

Khóa Học Tranh Biện

Sách bài tập Đu-Tra I



Cộng đồng Nalanda

Cộng đồng Nalanda

Khóa Học Tranh Biện
Sách bài tập Đu-Tra I

Ấn bản đầu tiên, 2026

Tất cả các tài liệu chính thức của Cộng đồng Nalanda đều được phát miễn phí. Những tài liệu được sử dụng có sự cho phép từ các nguồn bên ngoài có thể không áp dụng chính sách này. Không tài liệu nào từ khóa học này được phép sử dụng vì mục đích thương mại.
Để tham khảo chính xác và truy cập các tài liệu chính thức, vui lòng truy cập: www.nalandastudy.org

Mục lục

Giới thiệu	I
Bản văn gốc	I
Cách trình bày truyền thống	I
Thích nghi đương đại cho Khóa học Tranh biện	V
CHUẨN BỊ 2	1
Màu sắc và v.v.	3
Bài tập 1: Tranh biện kiểm tra ghi nhớ	5
Bài tập 2: Hệ quả vô lý trong cuộc tranh biện lý luận	10
Bài tập 3: Tam đoạn luận trong cuộc tranh biện lý luận	19
Bài tập 4: Trở lại đến lập trường gốc	27
Bài tập 5: Phản lập trường	30
Bài tập 6 (tùy chọn): Lập trường liên hệ	36
Bài tập 7: Học qua vai trò lập giả	40
ĐU-TRA 1	47
Cơ thành	49
Bài tập 1: Vô thường và Thường	51
Bài tập 2 (tùy chọn): Vật	54
Bài tập 3: Sở thức mà có thể là và Sở thức mà không thể là	55
Bài tập 4: Một và Khác	58
Bài tập 5: Tánh tướng và Sở tướng	61
PHỤ LỤC	67
Lưu đồ: Chiến lược I	69
Lưu đồ: Chiến lược II (tùy chọn)	70
Lưu đồ: Chiến lược III	71
Lưu đồ: Chiến lược IV	72

Lưu đồ: Chiến lược V	73
Lưu đồ: Chiến lược VI	74
Lưu đồ: Chiến lược VII	75
Lưu đồ: Chiến lược bổ sung (tùy chọn)	76
Lưu đồ: Chiến lược thay thế (tùy chọn)	77
Phụ chú về Cơ tành	78
Phụ chú về Vật	79

Giới thiệu

Bản văn gốc

Đối với Sách thực hành Đu-Tra này, những ví dụ tranh biện từ bộ *Yongdzin Đu-Tra (Nhiếp Loại Học* của Yongdzin) đã được phỏng theo và tích hợp dưới dạng các bài tập tại những chỗ tương ứng với tư liệu được trình bày trong giáo trình khóa học này, vốn dựa trên bộ *Loseling Đu-Tra*.

Cách tiếp cận này được áp dụng vì bộ *Loseling Đu-Tra* truyền thống không cung cấp minh họa tranh biện một cách nhất quán cho tất cả các chủ đề.

Ngược lại, bộ *Yongdzin Đu-Tra* được tổ chức thành ba phần:

- Bác bỏ [các hệ thống khác],
- Thiết lập [hệ thống của mình], và
- Loại trừ [những xung đột trong hệ thống của mình].

Phần đầu tiên và phần cuối cùng trong số này chủ yếu bao gồm những cuộc thảo luận được trình bày dưới hình thức tranh biện. Theo đó, những ví dụ được đưa vào trong sách thực hành này đã được tuyển chọn từ các phần đó.

Cách trình bày truyền thống

Sau đây là bản dịch chính xác của buổi tranh biện đầu tiên được trình bày trong bộ *Yongdzin Đu-Tra*, chương “*Màu sắc và v.v.*”. Bản dịch này được bổ sung những yếu tố điển hình của một buổi tranh biện trực tiếp

(được hiển thị bằng màu xám), vốn thường bị lược bỏ trong các bản văn để đảm bảo tính cô đọng.

Văn bản gốc cũng không xác định rõ vai trò của lập giả và đối lập giả. Thay vào đó, nó chỉ bắt đầu đơn giản bằng cụm từ “Nếu [ai đó] nói rằng”, ám chỉ một đối lập giả giả định có thể đại diện cho một quan điểm phi Phật giáo. Ngược lại, lập giả được ngầm hiểu là người ủng hộ quan điểm của *Kinh Lượng Bộ*¹, theo đúng thông lệ khi học *Du-Tra* trong năm đầu tiên của chương trình đào tạo tranh biện Tây Tạng.

ཁ་ཅིག་ན་རེ། ཁ་དོག་ཡིན་ན་དམར་པོ་ཡིན་པས་བྱས་ཟེར་ན། ཆོས་དྲུང་དཀར་པོའི་ཁ་དོག་ཆོས་ཅན། དམར་པོ་ཡིན་པར་ཐལ། ཁ་དོག་ཡིན་པའི་བྱིར། བྱས་པ་ཁས། མ་གྲུབ་ན། ཆོས་དྲུང་དཀར་པོའི་ཁ་དོག་ཆོས་ཅན། ཁ་དོག་ཡིན་པར་ཐལ། དཀར་པོ་ཡིན་པའི་བྱིར། མ་གྲུབ་ན། ཆོས་དྲུང་དཀར་པོའི་ཁ་དོག་ཆོས་ཅན། དཀར་པོ་ཡིན་པར་ཐལ། ཆོས་དྲུང་དཀར་པོའི་ཁ་དོག་དང་གཅིག་ཡིན་པའི་བྱིར། ཅ་བར་འདོད་ན། ཆོས་དྲུང་དཀར་པོའི་ཁ་དོག་ཆོས་ཅན། དམར་པོ་མ་ཡིན་པར་ཐལ། དཀར་པོ་ཡིན་པའི་བྱིར། མ་བྱས་ན་བྱས་པ་ཡོད་པར་ཐལ། དཀར་པོ་དང་དམར་པོ་གཉིས་ཀྱི་གཞི་མཐུན་མེད་པའི་བྱིར་ཏེ། དེ་གཉིས་འགལ་བ་ཡིན་པའི་བྱིར།

DLG	<i>Chúng tỏ, nếu là màu, thì là đồ bao hàm</i>
LG	<i>Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chúng tỏ nó là đồ</i>
DLG	<i>Tại sao</i>
LG	<i>[Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chúng tỏ nó là đồ,] vì nó là màu — bạn đã nêu mệnh đề bao hàm</i>
DLG	<i>[Dấu hiệu] không thành lập Màu vỏ ốc trắng không là màu</i>
LG	<i>Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chúng tỏ nó là màu, vì nó là trắng</i>

¹ Sanskr. Sautrāntika

ĐLG [Dấu hiệu] không thành lập
Màu vỏ ốc trắng không là trắng

LG Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là màu, vì nó là một với màu vỏ ốc trắng

ĐLG Đồng ý

LG Xà
Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là màu, vì nó là trắng

ĐLG Đồng ý

LG Xà
Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là đỏ, vì nó là màu

ĐLG Đồng ý¹

LG Xà
Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là đỏ, vì nó là trắng

ĐLG Không bao hàm
Nếu là trắng, thì không là đỏ không bao hàm

LG Chứng tỏ có bao hàm, vì giữa hai thứ, trắng và đỏ, không tồn tại điểm chung, và vì hai thứ đó là tương nghịch

Những dòng này cho thấy lập giả thực hiện các bước tư duy sau đây, vốn không được nói ra:

Vì đối lập giả đã đưa ra mệnh đề bao hàm rằng: “*Nếu là màu, thì là đỏ bao hàm*”, lập giả đưa ra một phản ví dụ lập tức bác bỏ khẳng định này. Nếu đối lập giả nhận ra sai lầm của mình, họ sẽ không đồng ý với hệ quả vô lý (về cơ bản là “trắng là đỏ”), điều mà họ có lẽ không thể giải

¹ Văn bản tiếng Tây Tạng viết chính xác là: “Nếu đồng ý với gốc.”

thích được. Thay vào đó, họ có nhiều khả năng sẽ không đồng ý bằng cách đáp: *“Tại sao?”*. Vì phản ví dụ của lập giả thực sự đáp ứng mệnh đề bao hàm của đối lập giả (được nhắc đến rõ ràng qua cụm từ *“bạn đã nêu mệnh đề bao hàm”*), đối lập giả có cơ hội để chấp thuận hệ quả ba phần — miễn là họ đã hiểu được quan điểm sai lầm của mình.

Tuy nhiên, nếu đối lập giả vẫn chưa rõ chính xác điều gì đã sai, họ sẽ không đồng ý. Trong trường hợp đó — và với điều kiện là sự bao hàm đã được thỏa mãn về mặt kỹ thuật — câu đáp duy nhất có thể của họ là *“Dấu hiệu không thành lập”*, về mặt hiệu quả có nghĩa là *“màu vỏ ốc trắng không là màu”*. Lập giả sau đó tiếp tục với các phản ví dụ tiếp theo cho đến khi mâu thuẫn logic trở nên đủ rõ ràng để đối lập giả có thể chấp thuận một hệ quả ba phần. Sau đó, lập giả phải truy ngược qua các phản ví dụ của mình về hệ quả đầu tiên, được gọi là *“hệ quả gốc”*. Cuối cùng, lập giả cũng kiểm tra niềm tin của đối lập giả bằng cách xem xét lập trường đối lập.

Tóm lại, chiến lược của lập giả bao gồm:

1. Nhận diện quan điểm sai lầm của đối lập giả về hữu pháp, dẫn đến những giả định sai lầm về các dấu hiệu hoặc lý do có thể áp dụng và kéo theo đó là các mệnh đề bao hàm của chúng.
2. Đưa ra một phản ví dụ làm bộc lộ một hệ quả vô lý.
3. Vận dụng lý luận để hỗ trợ phản ví dụ cho đến khi đối lập giả có thể đồng ý với một lý luận đúng đắn.
4. Truy ngược từng phát biểu về lý luận ban đầu theo trình tự thời gian đảo ngược (thông qua từ khóa “Xà”).
5. Kiểm tra lập trường đối lập để khảo sát thêm niềm tin của đối lập giả.

Thích nghi đương đại cho Khóa học Tranh biện

Khi bắt đầu khóa học này, điều quan trọng là bạn cần hiểu rằng phong cách tài liệu giáo dục vô cùng súc tích này dựa trên một phương pháp tự học có cấu trúc. Trong hệ thống tu viện Tây Tạng, phương pháp này đã được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố: bắt đầu giáo dục từ khi còn nhỏ, một môi trường được bảo vệ và không bị xao nhãng, kỳ vọng về nhiều thập kỷ — nếu không nói là cả đời — cống hiến cho việc lập luận logic và tranh biện hàng ngày, một mạng lưới bạn đồng học và giáo thọ sư hỗ trợ, cùng sự hướng dẫn từ nhiều bậc thầy trình độ cao. Cùng với nhau, những điều kiện này giúp người học có thể tiến bộ vững chắc về cả sự hiểu biết và kỹ năng.

Tuy nhiên, trong thời hiện đại, việc học Đu-Tra đưa đến những thách thức mới. Thời gian có hạn, sự xao nhãng diễn ra liên tục, áp lực sức khỏe tâm thần ở mức chưa từng có, chúng ta lệ thuộc nhiều vào công nghệ, cảm thấy mất kết nối với nhau hơn, và việc tiếp cận các bậc thầy có trình độ thường bị hạn chế bởi rào cản văn hóa và ngôn ngữ. Với tư cách là những người biên soạn khóa học, chúng tôi sẽ nỗ lực hết mình để hỗ trợ bất cứ khi nào có thể. Xin đừng nản lòng nếu tiến trình cảm thấy chậm chạp hoặc khó khăn; phần lớn những gì bạn gặt hái được tùy thuộc vào sự cam kết và nỗ lực của chính bạn.

Để việc học tranh biện *Nalandā* (phong cách Tây Tạng) ngày nay trở nên dễ tiếp cận hơn, chúng tôi đã chọn hình thức trực tuyến có chi phí hợp lý, đa ngôn ngữ và cho phép người học từ khắp nơi trên thế giới tham gia. Cách trình bày các chủ đề đã được phỏng theo những bản văn truyền thống để phù hợp với phong cách học tập hiện đại. Mặc dù điều này rút gọn một chương trình giảng dạy vốn truyền thống kéo dài hàng thập kỷ xuống còn vài năm, và tích hợp các phương pháp giáo dục hiện

đại, nhưng tính xác thực của tài liệu vẫn được bảo tồn. Các tham chiếu đến bản văn gốc và những giải thích chi tiết về ngữ cảnh cũng được đưa vào, để bạn có thể so sánh tư liệu khóa học của chúng tôi với các nguồn kinh điển.

Hãy tiếp cận khóa học này với một tư duy cởi mở. Hãy chấp nhận rằng sự thay đổi về mặt tinh thần là một phần của tiến trình, và hãy nhớ rằng ngay cả nội dung được trình bày ở đây cũng không phải là đích đến cuối cùng, mà là điểm bắt đầu cho nhiều năm — hoặc cả đời — tinh luyện. Với trí tò mò, sự kiên nhẫn và lòng tận tâm, việc học này có thể giúp bạn trau dồi sự sáng tỏ của tâm trí, đào sâu hiểu biết về các mối quan hệ và phát triển một cảm quan mạnh mẽ hơn về mục đích sống.

Trong bối cảnh rộng lớn hơn của giáo dục tâm linh Tây Tạng, việc học Đu-Tra dần dần đào sâu hiểu biết của bạn về cả bản thể học và tâm lý học. Quan điểm *Kinh Lượng Bộ* tạm thời sẽ dần được thay thế bởi quan điểm tinh luyện và cứu kính của *Trung Quán Ứng Thành Phái*¹, với mục tiêu tối hậu là vượt qua khổ đau và đạt được hạnh phúc bền vững.

Nguyện cho việc tham gia thực hành các bài tập này của bạn luôn sinh động, các buổi tranh biện của bạn sắc bén, và tuệ giác của bạn bền vững lâu dài. Chào mừng bạn đến với hành trình này.

¹ Sanskr. Prāsaṅgika Mādhyamaka

CHUẨN BỊ 2

Màu sắc và v.v.

Với chương *Màu sắc và v.v.*, lần đầu tiên chúng ta được làm quen với việc tranh biện về các tánh tướng (định nghĩa) và phân loại theo hệ thống tranh biện Tây Tạng. Chương mở đầu này được thiết kế mang tính phương pháp luận nhằm phát triển các kỹ năng tranh biện. Cách trình bày về màu sắc, hình dáng và các phạm trù liên quan không được chọn vì chiều sâu triết học của chúng trong tư tưởng Phật giáo, mà đúng hơn là vì chúng cung cấp một nền tảng đơn giản để bạn làm quen với khái niệm về các hệ quả.

Một số yếu tố nhất định trong chương này có thể tạo cảm giác như một trò chơi — hoặc thậm chí có phần trẻ con trong sự đơn giản hay sự phi lý biểu hiện bên ngoài của chúng — nhưng điều này là có ý đồ. Bằng cách làm việc với màu sắc, hình dáng cùng các tánh tướng và phân loại có vẻ tùy ý, bạn đang rèn luyện các phương pháp tranh biện mà sau này sẽ cho phép bạn tiếp cận những chủ đề triết học đòi hỏi khắt khe hơn, chẳng hạn như *Cơ thành*, vốn là những chủ đề then chốt để hiểu thực tại đúng như nó đang là.

Mục tiêu của *Màu sắc và v.v.* là trau dồi các **kỹ năng chiến lược** cần thiết của một **lập giả**, tạo lập nền tảng cho sự **thông thạo trong tranh biện**. Xuyên suốt chương này, chúng ta sẽ xem xét từng bước các chiến lược lập luận cụ thể, bám sát theo những ví dụ tranh biện được trình bày trong bộ *Yongdzin Du-Tra*.

Bạn cũng nên lưu ý rằng, mặc dù các tánh tướng và phân loại được sử dụng trong chương này chủ yếu được chọn vì giá trị của chúng như các bài tập mang tính trò chơi — và quả thực có thể thay đổi đôi chút tùy theo các tu viện — chúng vẫn tuân theo một khuôn khổ nền tảng. Trong

chương trình học *Đu-Tra* truyền thống, các cuộc thảo luận nhìn chung được tiến hành từ quan điểm của hệ tông phái *Kinh Lượng Bộ* (Sautrantika). Theo đó, vì mục đích thực hành tranh biện, các **tánh tướng và phân loại** được trình bày trong sách giáo khoa của chúng ta nên được xem là **chuẩn mực** trong bối cảnh của bài tập. Các **phân loại** được đưa ra trong văn bản nhìn chung cần được hiểu là sự phân loại là **tương nghịch** và **toàn diện**; tuy nhiên, phân loại của màu và hình là một ngoại lệ đối với quy tắc sau và không tất yếu phải là toàn diện.

Hãy tiếp cận các bài tập này với sự tò mò và sẵn lòng thử nghiệm. Tranh biện vừa là một kỷ luật vừa là một kỹ năng phát triển thông qua thực hành. Sự đơn giản của những ví dụ ban đầu này không phải là một hạn chế mà là một môi trường rèn luyện có tính toán, nơi bạn có thể bắt đầu mài sắc lập luận, kiểm tra sự hiểu biết của mình và tận hưởng tính chất sinh động mang tính trò chơi của tranh biện.

Vì vậy, hãy đón nhận các bài tập này với tinh thần đó: khám phá chúng, thử thách chúng, và quan trọng nhất là hãy tận hưởng tiến trình học cách tư duy thông qua tranh biện.

Bài tập 1: Tranh biện kiểm tra ghi nhớ

Bản chất của màu sắc, như được hiểu trong khuôn khổ logic Nalandà, khác biệt đáng kể so với cách xử lý chúng trong lý thuyết màu sắc hiện đại. Theo *mô hình sắc học đương đại* (chẳng hạn như quang phổ cầu vồng), một sắc độ được định nghĩa là một màu thuần khiết. Chúng bao gồm:

- **Màu chính:** đỏ, xanh dương, vàng
- **Màu bậc hai** (hỗn hợp của hai màu chính): tím, xanh lá, cam
- **Màu bậc ba** (một màu chính trộn với một màu bậc hai lân cận): đỏ-cam, vàng-cam, vàng-xanh lá, v.v.
- **Màu bậc bốn và cấp bậc cao hơn:** những hỗn hợp phức tạp hơn như màu mật, màu ngọc lam, màu xanh mòng két, v.v.



Một sắc độ thuần khiết còn có thể được biến đổi thêm bằng cách thêm màu trắng, đen hoặc xám, tạo ra:

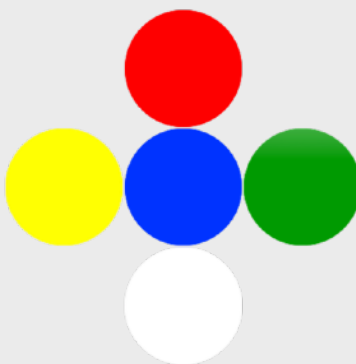
- **Màu phớt** (sắc độ + trắng), ví dụ: màu hồng là màu phớt của màu đỏ
- **Màu sẫm** (sắc độ + đen), ví dụ: màu nâu đỏ là màu sẫm của màu đỏ
- **Màu trầm** (sắc độ + xám), ví dụ: màu xanh lá xám

Các thông số bổ sung như giá trị (độ sáng) và độ bão hòa (cường độ) cho phép mô tả màu sắc ngày càng chính xác hơn.

Ngược lại, cách trình bày của *Kinh Lượng Bộ* không phân tích màu sắc theo các định luật vật lý, mà từ góc độ trải nghiệm. Vì lý do này, tánh tướng có vẻ mang tính xoay vòng của màu sắc là “thích hợp làm sắc độ” lại mang đầy ý nghĩa: nó phản ánh cách màu sắc được tri nhận trực tiếp, mà không cần tham chiếu đến các khuôn khổ bên ngoài như quang học hay phổ điện từ.

Trong *Đu-Tra*, màu được chia thành:

- **Màu gốc** (những màu không được trải nghiệm là dẫn xuất từ các màu khác): xanh dương, vàng, trắng và đỏ — lần lượt liên kết với gió, đất, nước và lửa
- **Màu nhánh** (những màu được trải nghiệm là dẫn xuất thông qua sự kết hợp): tám màu nhánh được Ngài **Thế Thân** mô tả trong bộ *Câu Xá Luận* (*Sanskrit. Abhidharmakośa*), cũng như các hỗn hợp xa hơn như màu xanh lá (xanh dương + vàng)



Lưu ý: khi đề cập đến các màu nhánh, người ta nói chính xác về *màu mây, màu khói, và vân vân*, chứ không phải về chính các vật thể đó. Do đó, màu mây trắng sẽ được phân loại là màu gốc, trong khi màu mây sẽ được coi là màu nhánh.

Đối với **hình** dáng, chúng được xử lý mang tính tương quan trong tranh biện, dựa trên nhận thức chung của con người. Ví dụ, hình dáng của một ngọn núi được hiểu là cao, trong khi hình dáng của một thung lũng được hiểu là thấp.

Đối với bài tập này, hãy chia thành các nhóm từ hai người trở lên và phân công các vai trò lập giả (LG) và đối lập giả (ĐLG). Sử dụng cấu trúc tranh biện bên dưới, hãy kiểm tra lẫn nhau về các **tánh tướng và phân loại** được trình bày trong chương *Màu sắc và v.v.* từ *Sách giáo trình Du-Tra*.

Bước 1

LG mở đầu một buổi tranh biện kiểm tra ghi nhớ với:

Đi — ji ta chơ chen

A làm hữu pháp, bạn không thể kể ra tánh tướng

hoặc bỏ qua hai bước tiếp theo:

A làm hữu pháp, hãy kể ra tánh tướng

ĐLG **Tại sao**

LG **Hãy kể**

ĐLG **[Tánh tướng của A]**

LG sửa lỗi (nếu có) và nói: **[Tánh tướng của A] làm hữu pháp, chứng tỏ nó là tánh tướng của A**

ĐLG **Đồng ý**

LG Tiếp tục sang chủ đề tiếp theo hoặc *Bước 2*

Ví dụ

LG Đi — ji ta chơ chen
Màu làm hữu pháp, bạn không thể kể ra tánh tướng

ĐLG Tại sao

LG Hãy kể

ĐLG Thích hợp làm màu

LG **Thích hợp làm màu** làm hữu pháp, chứng tỏ nó **không** là **tánh tướng của màu**, vì **thích hợp làm sắc độ** là **tánh tướng của màu**

ĐLG Đồng ý: Thích hợp làm sắc độ là tánh tướng của màu

LG Màu gốc làm hữu pháp, hãy kể ra tánh tướng

ĐLG Thích hợp làm sắc độ gốc

LG **Thích hợp làm sắc độ gốc** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **tánh tướng của màu gốc**

ĐLG Đồng ý

Bước 2

LG **Đi — đi ta chơi chen**

A làm hữu pháp, bạn không thể kể ra phân loại
hoặc bỏ qua hai bước tiếp theo:

A làm hữu pháp, hãy kể ra phân loại

ĐLG **Tại sao**

LG **Hãy kể**

ĐLG **[Phân loại của A]**

LG sửa lỗi (nếu có) và nói:

[Phân loại của A] làm hữu pháp, chứng tỏ nó là phân loại của **A**

ĐLG **Đồng ý**

LG Tiếp tục sang chủ đề tiếp theo hoặc cuộc tranh biện lý luận

Ví dụ

LG *Đi — đi ta chơi chen*

Màu làm hữu pháp, bạn không thể kể ra phân loại

ĐLG *Tại sao*

LG *Hãy kể*

ĐLG *Màu gốc và màu nhánh*

LG ***Màu gốc và màu nhánh*** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là ***phân loại của màu***

ĐLG *Đồng ý*

Bài tập 2: Hệ quả vô lý trong cuộc tranh biện lý luận

Hãy chia thành các nhóm hai hoặc ba người và phân công các vai trò lập giả (LG), đối lập giả (ĐLG), và (nếu có) quan sát giả (Q).

Trong bài tập này, đối lập giả sẽ thực hành một vai trò khác với tranh biện truyền thống. Thay vì bảo vệ lập trường mà họ tin là đúng, đối lập giả sẽ chủ định chấp nhận một mệnh đề bao hàm được chỉ định, ngay cả khi nó là sai lầm. Ví dụ, sử dụng cặp đề mục màu và đỏ, chúng ta biết rằng sự phân biệt giữa chúng là musum, với màu bao hàm đỏ nhưng đỏ không bao hàm màu. Thay vì bảo vệ câu trả lời đúng, đối lập giả nên chấp nhận một lập trường khác—ví dụ, đồng nghĩa—và bảo vệ nó một cách nhất quán. Lập giả sau đó phải thiết lập một **hệ quả vô lý** thích hợp dựa trên lập trường đó.

Mặc dù các cơ chế chính xác của hệ quả không được giới thiệu cho đến sau này trong chương trình học Đu-Tra, mục tiêu của bài tập này chỉ đơn giản là huấn luyện lập giả thiết lập một **tam đoạn luận đầu tiên của một cuộc tranh biện lý luận** dựa trên lập trường của đối lập giả.

Bài tập này phát triển tính linh hoạt chiến lược cho cả hai bên tham gia và đào sâu sự thấu hiểu của họ về việc các mệnh đề bao hàm khác nhau định hình tiến trình của một buổi tranh biện như thế nào.

Hãy thực hành các lượt đối đáp lặp đi lặp lại cho đến khi việc lý luận trở nên tự nhiên, và thường xuyên hoán đổi vai trò cho nhau. Nếu một bước cụ thể nào đó quá dễ, bạn có thể bỏ qua. Sau khi hoàn thành các ví dụ từ danh sách bên dưới, hãy tự xây dựng các mệnh đề bao hàm sai lầm của riêng mình từ chương *Đu-Tra Màu sắc và v.v.*

	A	B	Bảo vệ những phân biệt khác ngoài
1	Màu	Hình	Tương nghịch
2	Màu gốc	Màu nhánh	
3	Màu gốc	Thích hợp làm sắc độ gốc	Đồng nghĩa
4	Màu sáng	Thích hợp làm sắc độ sáng	
5	Màu	Trắng	Musum
6	Màu nhánh	Màu mây	
7	Màu táo	Xanh	Mushi
8	Hình núi	Hình cao	

Bước 1: Chiến lược I

LG **Đi — ji ta chơ chen**

A và B làm hữu pháp, bạn không thể phân biệt đó là **musum**, **mushi**, **tương nghịch**, **đồng nghĩa**

hoặc bỏ qua hai bước tiếp theo:

A và B làm hữu pháp, phân biệt giữa chúng

ĐLG **Tại sao**

LG **Hãy kể**

ĐLG **đáp lại vận dụng sự phân biệt sai lầm: musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa**

LG **hoàn thành cả bốn mệnh đề bao hàm**

ĐLG **đáp lại theo sự phân biệt sai lầm đã chọn**

LG **sau khi đã hoàn thành cả bốn mệnh đề bao hàm,**

- sau câu đáp **Đồng ý với mệnh đề bao hàm đúng**,
tiếp tục như bình thường
- sau **phản ví dụ sai lầm**,
tiếp tục sang **Bước 2: Chiến lược II (tùy chọn)**
- sau câu đáp **Đồng ý với mệnh đề bao hàm sai lầm**,
tiếp tục sang **Bước 3: Chiến lược III**

Ví dụ 1.1

LG [...] Chứng tỏ, nếu là màu, thì là đỏ bao hàm

ĐLG Tại sao

LG Hãy kể

ĐLG Mây trắng (phản ví dụ sai lầm)

LG ...

ĐLG ...

LG Tiếp tục sang Chiến lược II

Ví dụ 1.2

LG [...] Chứng tỏ, nếu là màu, thì là thích hợp làm sắc độ bao hàm

ĐLG Tại sao

LG Hãy kể

ĐLG Màu táo đỏ (phản ví dụ sai lầm)

LG ...

ĐLG ...

LG Tiếp tục sang Chiến lược II

Ví dụ 1.3

LG [...] Chứng tỏ, nếu là màu, thì là đỏ bao hàm

ĐLG Đồng ý

LG ...

ĐLG ...

LG Tiếp tục sang Chiến lược III

Bước 2: Chiến lược II (tùy chọn) (trường hợp a là ví dụ đúng)

ĐLG nêu ví dụ sai lầm **ab/b/C**

LG **ab/b/C** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **A**

ĐLG **Tại sao**

LG ... vì bạn đã nêu nó là **A**

ĐLG **Đồng ý**

LG tiếp tục sang ví dụ sai lầm tiếp theo, hoặc

- **ab** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **B**
- **b/C** làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là **A**

ĐLG **Đồng ý** or **Tại sao**

- LG
- sau câu đáp **Đồng ý**, tiếp tục sang ví dụ sai lầm tiếp theo hoặc sang **Chiến lược VII (Bài tập 5: Phản lập trường)**
 - sau câu đáp **Tại sao**, tiếp tục sang ví dụ sai lầm tiếp theo hoặc sang **Chiến lược VI (Bài tập 5: Phản lập trường)**

Bước 3: Chiến lược III (trường hợp mệnh đề bao hàm đúng là:
Nếu là **A**, thì là **B** không bao hàm)

ĐLG nêu **sự bao hàm sai lầm**: Nếu là **A**, thì là **B** bao hàm

LG cần tìm phản ví dụ **a** là **A** nhưng không phải là **B** cho
hệ quả vô lý: a làm hữu pháp, chứng tỏ nó là B

ĐLG **Tại sao**

LG ... vì nó là **A**

ĐLG • **Không bao hàm** & trình bày

LG • **Xà**, và [LG hoặc Q] trình bày:

(Q) 'Nếu là **A**, thì là **B không bao hàm**'

đối nghịch với

'Nếu là **A**, thì là **B bao hàm**'

• tiếp tục sang sự bao hàm sai lầm tiếp theo

ĐLG có thể tùy chọn đổi câu đáp thành **Đồng ý** và tiếp tục sang **Bước 4**

Ví dụ

ĐLG [Nêu: Nếu là màu, thì là đỏ bao hàm]

LG Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chúng tỏ [một cách phi lý rằng] nó là đỏ

ĐLG Tại sao

LG ... vì nó là màu

ĐLG Không bao hàm

LG Tại sao không bao hàm

ĐLG Nếu là màu, thì là đỏ không bao hàm

LG Xà: 'Nếu là màu, thì là đỏ **không bao hàm**'
đối nghịch với 'Nếu là màu, thì là đỏ **bao hàm**'

ĐLG [Xin lỗi, tôi quên mất là mình đã đưa ra hai mệnh đề này]

LG Khi bạn nói **Không bao hàm**, thì được hiểu ngầm rằng:
 'Nếu là màu, thì là đỏ **không bao hàm**'
 Khi bạn **đồng ý** với **mệnh đề bao hàm thứ nhất**, thì là:
 'Nếu là màu, thì là đỏ **bao hàm**'

Bước 4: Chiến lược III (trường hợp: Nếu là **A**, thì là **B** không bao hàm)

ĐLG nêu: **Nếu là A, thì là B bao hàm**

LG **hệ quả vô lý: a làm hữu pháp, chứng tỏ nó là B**

ĐLG **Tại sao**

LG **... vì nó là A — bạn đã nêu mệnh đề bao hàm**

ĐLG • **Đồng ý**

LG • **Xà, và [LG hoặc Q] trình bày:**

(Q) **'a là B'**

đối nghịch với

'a không là B'

• tiếp tục sang sự bao hàm sai lầm: tiếp theo

Ví dụ

ĐLG [Nêu: Nếu là màu, thì là đỏ bao hàm]

LG *Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là đỏ*

ĐLG *Tại sao*

LG *... vì nó là màu — bạn đã nêu mệnh đề bao hàm*

ĐLG *Đồng ý*

LG *Xà: 'Màu vỏ ốc trắng **là đỏ**' **đối nghịch với***

*'Màu vỏ ốc trắng **không là đỏ**'*

ĐLG [When did I make these statements?]

LG *Khi bạn nói **Đồng ý**, thì được hiểu ngầm rằng: 'Màu vỏ ốc trắng **là đỏ**'*

*Khi bạn nói **Tại sao**, thì là: 'Màu vỏ ốc trắng **không là đỏ**'*

Bước 5: Chiến lược III (trường hợp: Nếu là **A**, thì là **B** không bao hàm)

ĐLG nêu: **Nếu là **A**, thì là **B** bao hàm**

LG **a** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **B**, vì nó là **A**
— bạn đã nêu mệnh đề bao hàm

ĐLG • **Đồng ý** • **Dấu hiệu không thành lập**

LG • **Xà [& trình bày]** • **Tại sao dấu hiệu không thành lập**

ĐLG • tiếp tục sang trường hợp tiếp theo hoặc sang **Chiến lược VI (Bài tập 5: Phản lập trường)** • trình bày
tiếp tục sang trường hợp tiếp theo hoặc sang **Chiến lược IV (Bài tập 3: Tam đoạn luận trong cuộc tranh biện lý luận)**

Ví dụ

ĐLG [Nêu: Nếu là màu, thì là đỏ bao hàm]

LG *Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là đỏ, vì nó là màu — bạn đã nêu mệnh đề bao hàm*

ĐLG *Dấu hiệu không thành lập*

LG *Tại sao dấu hiệu không thành lập*

ĐLG *Màu vỏ ốc trắng không là màu*

Bài tập 3: Tam đoạn luận trong cuộc tranh biện lý luận

Sau khi thực hành cách thiết lập hệ quả vô lý làm tam đoạn luận đầu tiên trong cuộc tranh biện lý luận ở bài tập trước, bài tập này huấn luyện ***lập giả cách đáp lại một cách chiến lược trước những câu đáp của đối lập giả.***

Trong bài tập trước, chiến lược của lập giả là dẫn dắt đối lập giả đồng ý với một hệ quả vô lý được xây dựng từ những quan điểm sai lầm của chính đối lập giả, hoặc nếu điều đó không thể thực hiện được, thì sẽ tập trung cuộc tranh biện vào một dấu hiệu chính.

Trong bài tập này, chúng ta phát triển chiến lược thứ hai. Khi đối lập giả bác bỏ một dấu hiệu đúng, lập giả nên thiết lập các tam đoạn luận liên tiếp cho đến khi đối lập giả đồng ý với một dấu hiệu đúng. Từ tam đoạn luận thứ hai trở đi, mỗi tam đoạn luận nên thỏa mãn tam chi, khiến đối lập giả không còn lý do chính đáng nào để đáp "***Dấu hiệu không thành lập***", chưa nói đến "***Không bao hàm***", mà thay vào đó ***dẫn dắt đối lập giả chấp nhận dấu hiệu đó.***

Lưu ý: Như đã đề cập trong các bài tập trước, câu đáp "***Dấu hiệu không thành lập***" của đối lập giả có quyền ưu tiên trước "***Không bao hàm.***"

Tam chi được làm trọn khi

- dấu hiệu là ***tông pháp tính*** (thuộc tính của hữu pháp) và
- cả ***tùy bao hàm*** lẫn ***phản bao hàm*** đều được thiết lập.

Để đạt được điều này, một phương pháp đơn giản là để ***dấu hiệu của tam đoạn luận trước đó*** trở thành ***vi pháp của tam đoạn luận tiếp theo.*** Một dấu hiệu mới được đưa ra sao cho ***hữu pháp chính là dấu hiệu đó*** và ***dấu hiệu đó được bao hàm bởi vi pháp mới.*** Điều này đảm bảo rằng tông pháp tính, cũng như các tùy bao hàm và phản bao hàm đúng đắn, đều được thỏa mãn.

Sử dụng các dấu hiệu được rút ra từ phần trình bày trong *Đu-Tra* sẽ cung cấp một khuôn khổ thuận tiện cho chiến lược này. Nó dựa trên sự phân biệt đồng nghĩa lẫn nhau giữa một tánh tướng và sở tướng của nó (xem ***Bát Môn Bao Hàm***, *Chuẩn bị 1*), cũng như dựa trên thực tế rằng mọi phân loại đều được bao hàm bởi chủng loại cha mà nó thuộc về.

Các đối lập giả được kỳ vọng sẽ chấp nhận các tánh tướng và phân loại được trình bày trong bản văn như là các quy ước đã thỏa thuận để điều hành cuộc tranh biện. Nếu trong lúc tranh biện căng thẳng mà những điều này tạm thời bị quên mất—ví dụ, nếu đối lập giả khẳng định rằng *màu **không** là thích hợp làm sắc độ*—lập giả có thể, như một giải pháp cuối cùng, viện dẫn thẩm quyền của văn bản để nhắc nhở đối lập giả về khuôn khổ đã thiết lập của cuộc tranh biện ;-).

Tuy nhiên, bất cứ khi nào có thể, việc thuyết phục đối lập giả chỉ thông qua tranh biện lý luận sẽ ý nghĩa và xứng đáng hơn nhiều—điều mà đôi khi đòi hỏi sự thấu cảm, sáng tạo và tư duy chiến lược nhạy bén.

Hãy sử dụng các ví dụ từ bài tập trước hoặc tự xây dựng ví dụ của riêng bạn.

Bước 1: Chiến lược IV (tiếp tục trường hợp trước đó với hệ quả vô lý: **a** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **B**, vì nó là **A** làm **tam đoạn luận 1**: **HP₁** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **VP₁**, vì nó là **DH₁**)

ĐLG **Dấu hiệu không thành lập** [& trình bày]

LG chọn **VP₂ = DH₁** và **DH₂** để cho **HP₁** là **DH₂** cho **tam đoạn luận 2**:
HP₁ làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **VP₂**, vì nó là **DH₂**

ĐLG • **Không bao hàm** • **Đồng ý**
 [& trình bày]

LG • **Chứng tỏ có bao hàm, vì** • **Xà** [& trình bày]
 • **DH** là tánh tương của ... • tiếp tục sang hệ quả vô lý tiếp
 • **DH** là phân loại của ... theo hoặc sang **Chiến lược V**
 • [tự suy luận] (**Bài tập 4: Trở lại đến lập trường gốc**)

ĐLG • **Đồng ý**

LG • **Xà** [& trình bày]
 • then tiếp tục sang hệ quả vô lý tiếp theo hoặc
 sang **Chiến lược V (Bài tập 4: Trở lại đến lập trường gốc)**

Ví dụ 1.1

ĐLG [Nêu: Nếu là màu, thì là đỏ bao hàm] [...]

LG Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là đỏ, vì nó là màu —
bạn đã nêu mệnh đề bao hàm

ĐLG Dấu hiệu không thành lập: Màu vỏ ốc trắng không là màu

LG Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là màu...
... vì nó là **thích hợp làm sắc độ**

ĐLG Không bao hàm: Nếu là thích hợp làm sắc độ, thì là màu không bao
hàm

LG Chứng tỏ có bao hàm,
vì thích hợp làm sắc độ là **tánh tương của** màu

ĐLG Vậy tôi đồng ý

LG Xà

Ví dụ 1.2

LG [...] Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là màu...
... vì nó là **màu gốc**

ĐLG Không bao hàm

LG Chứng tỏ có bao hàm, vì màu gốc là phân loại của màu

ĐLG Đồng ý

LG Xà

Bước 2: Chiến lược IV

(hệ quả vô lý: **HP₁** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **VP₁**, vì nó là **DH₁**)

ĐLG Dấu hiệu không thành lập [& trình bày]

LG tam đoạn luận tiếp theo:

HP₁ làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **VP_x**, vì nó là **DH_x**

ĐLG • Dấu hiệu không thành lập • Không bao hàm
[& trình bày] [& trình bày]

LG • tam đoạn luận tiếp theo • Chứng tỏ có bao hàm, vì [...]

ĐLG	• Đồng ý • Dấu hiệu không thành lập • Không bao hàm	• Đồng ý • Dấu hiệu không thành lập
-----	---	--

LG

- tiếp tục trừ khi/cho đến khi ĐLG đồng ý, và đánh dấu mâu thuẫn bằng **Xà**
- then tiếp tục sang hệ quả vô lý tiếp theo hoặc sang **Chiến lược V (Bài tập 4: Trở lại đến lập trường gốc)**

Ví dụ

ĐLG [Nêu: Nếu là màu, thì là đỏ bao hàm] [...]

LG [...] Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là màu...
... vì nó là **trắng**

ĐLG Dấu hiệu không thành lập

LG Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là trắng...
... vì nó là **màu gốc**

ĐLG Dấu hiệu không thành lập

LG ... chứng tỏ nó là màu gốc...
... vì nó là **thích hợp làm sắc độ**

ĐLG Dấu hiệu không thành lập

LG Tại sao dấu hiệu không thành lập

ĐLG Màu vỏ ốc trắng không là thích hợp làm sắc độ

LG Dấu hiệu có thành lập vì, theo bản văn, thì thích hợp làm sắc độ là
tánh tương của màu

ĐLG Được rồi, tôi đồng ý

LG Xà

Bước 3 (tùy chọn): Chiến lược bổ sung (bất kỳ tam đoạn luận nào)

LG **HP_x** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **VP_x**, vì nó là **DH_x**

ĐLG • **Dấu hiệu không thành lập** [& trình bày]

LG • **Phần nào của dấu hiệu không thành lập?** hoặc
Dấu hiệu nào không thành lập?

ĐLG	• HP_x là DH_xPart₁ nhưng không là DH_xPart₂	• HP_x là DH_xPart₂ nhưng không là DH_xPart₁
-----	--	--

LG	• HP_x làm hữu pháp, chứng tỏ nó là DH_xPart₂ , vì nó là DH_{y2}	• HP_x làm hữu pháp, chứng tỏ nó là DH_xPart₁ , vì nó là DH_{y1}
----	---	---

ĐLG	• Đồng ý • Dấu hiệu không thành lập • Không bao hàm	• Đồng ý • Dấu hiệu không thành lập • Không bao hàm
-----	--	--

LG

- tiếp tục trừ khi/cho đến khi ĐLG đồng ý, và đánh dấu mâu thuẫn bằng **Xà**
- tiếp tục từ chỗ cuộc tranh biện đã dừng lại

Ví dụ

ĐLG [Nêu: Nếu là màu, thì là đỏ bao hàm]

LG Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là đỏ, vì nó là màu —
bạn đã nêu mệnh đề bao hàm

ĐLG Dấu hiệu không thành lập: Màu vỏ ốc trắng không là màu

LG Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là màu...
... vì nó là **một trong các màu gốc: xanh, vàng, trắng, đỏ**

ĐLG Dấu hiệu không thành lập

LG **Dấu hiệu nào không thành lập?**

ĐLG Màu vỏ ốc trắng **là trắng**, nhưng **không là một trong các màu gốc**

LG Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là một trong các màu
gốc...
... vì nó là **trắng**

ĐLG Không bao hàm: Nếu là trắng, thì là một trong các màu gốc không
bao hàm

LG Chứng tỏ có bao hàm, vì **trắng là phân loại của màu gốc**

ĐLG À, tôi quên mất, giờ tôi đồng ý

LG Xà

Bài tập 4: Trở lại đến lập trường gốc

Trong bài tập này, chúng ta tiếp tục tranh biện lý luận sau khi đối lập giả đã đồng ý với dấu hiệu đúng. Chiến lược của lập giả bây giờ là ***dẫn dắt đối lập giả quay trở lại lập trường gốc — hệ quả vô lý*** đã bị bác bỏ trước đó — và xác định xem liệu họ đã sẵn sàng chấp nhận nó hay chưa.

Lý tưởng nhất, điều này được thực hiện bằng cách truy ngược tranh biện theo đúng trình tự thời gian đảo ngược, tạo cho đối lập giả cơ hội tốt nhất để theo dõi từng bước của lý luận. Nếu đối lập giả đã hiểu cơ chế của tranh biện, bây giờ họ nên ***đồng ý với hệ quả vô lý logic***, vì tam chi đã được thỏa mãn xuyên suốt. Mặc dù bản thân chiến lược này rất thẳng thắn, nhưng việc thực hiện nó không nhất thiết là dễ dàng. Nó phụ thuộc rất nhiều vào khả năng của lập giả trong việc ***ghi nhớ trình tự chính xác của tranh biện lý luận*** và truy ngược từng bước chính xác.

Hãy bắt đầu với chỉ hai hoặc ba lập trường vượt ngoài lập trường gốc, và tăng dần số lượng khi sự tự tin của bạn tăng lên.

Bước: Chiến lược V (trường hợp tam đoạn luận 4: **HP₁** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **VP₄**, vì nó là **DH₄**)

ĐLG **Đồng ý**

- LG
- **Xà** [& trình bày]
 - **Lập trường 3: HP₁** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **VP₃**

ĐLG • **Đồng ý** • **Tại sao**

- LG
- **Xà** [& trình bày]
 - **Lập trường 2: HP₁** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **VP₂**
 - tiếp tục, cho đến lập trường được đồng ý

ĐLG • **Đồng ý**

- LG
- **Xà** [& trình bày]
 - **Lập trường 1: HP₁** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **VP₁**
 - tiếp tục, cho đến lập trường được đồng ý

ĐLG • **Đồng ý**

- LG
- **Xà** [& trình bày]
 - tiếp tục sang trường hợp tiếp theo hoặc sang **Chiến lược VI (Bài tập 5: Phản lập trường)**
 - tiếp tục, cho đến lập trường được đồng ý

Ví dụ

ĐLG [Nêu: Nếu là màu, thì là đỏ bao hàm]

LG [Tam đoạn luận 1:] Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là đỏ, vì nó là **màu** — bạn đã nêu mệnh đề bao hàm

ĐLG Dấu hiệu không thành lập

LG [Tam đoạn luận 2:] ... chứng tỏ nó là **màu**, vì nó là **trắng**

ĐLG Dấu hiệu không thành lập

LG [Tam đoạn luận 3:] ... chứng tỏ nó là **trắng**, vì nó là **màu gốc**

ĐLG Dấu hiệu không thành lập

LG [Tam đoạn luận 4:] ... chứng tỏ nó là **màu gốc**, vì nó là **thích hợp làm sắc độ**

ĐLG Đồng ý

LG **Xà:** Màu vỏ ốc trắng là màu gốc đối nghịch với nó không là màu gốc
[Lập trường 3:] Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **trắng**

ĐLG Đồng ý

LG **Xà:** Màu vỏ ốc trắng là trắng đối nghịch với nó không là trắng
[Lập trường 2:] Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **màu**

ĐLG Đồng ý

LG **Xà:** Màu vỏ ốc trắng là màu đối nghịch với nó không là màu
[Lập trường 1:] Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **đỏ**

ĐLG Đồng ý

LG **Xà:** Màu vỏ ốc trắng là đỏ đối nghịch với nó không là đỏ

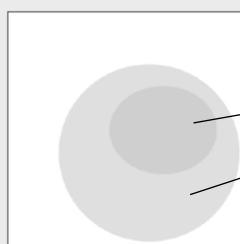
Bài tập 5: Phản lập trường

Tiếp nối từ hệ quả vô lý mới được chấp nhận (lập trường gốc), mục tiêu tiếp theo của lập giả là **giải quyết mâu thuẫn**. Chiến lược là đưa ra dấu hiệu dẫn dắt đối lập giả **đồng ý với phản bao hàm tương ứng**, từ đó làm bộc lộ ví dụ phù hợp với tùy bao hàm đúng dẫn giữa hiện tượng ban đầu.

Bài tập này phản ánh nguyên tắc trung tâm của tư duy phản biện đương đại: *Nếu bạn không thể lập luận thông minh cho cả hai mặt của vấn đề, bạn chưa hiểu nó đủ rõ để lập luận cho bất kỳ bên nào.* Bằng cách học cách giữ vững và lập luận từ hai lập trường đối lập, lập giả phát triển sự hiểu biết sâu sắc hơn về quan điểm nào chịu được sự khảo sát và quan điểm nào không, cũng như cách đánh giá mệnh đề bao hàm có thể được tinh luyện và hiệu chỉnh.

Như đã giải thích trong chương *Tam đoạn luận và Hệ quả* của *Mô-đun Chuẩn bị*, mỗi *tùy bao hàm* đều có *phản bao hàm tương ứng*.

Trong tranh biện lý luận, **tùy bao hàm** liên quan đến việc vi pháp bao hàm dấu hiệu (ngược lại, "Không bao hàm" ngầm định rằng "Nếu là dấu hiệu, thì là vi pháp không bao hàm"). Vì vậy, tùy bao hàm được thiết lập bất cứ khi nào **vi pháp** và **dấu hiệu** hoặc là **đồng nghĩa** hoặc ở trong sự phân biệt **musum** mà trong đó **vi pháp là chủng loại lớn hơn** bao hàm dấu hiệu như là biệt của nó.



Hình musum:

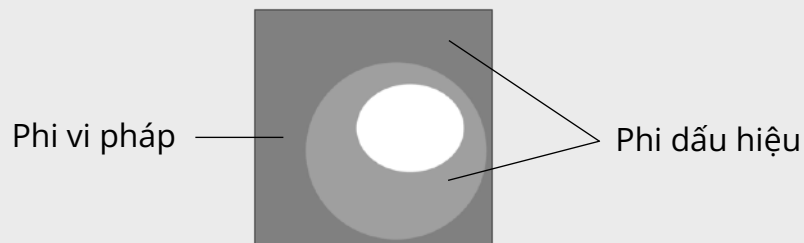
Dấu hiệu

Vi pháp

Ngược lại, **phản bao hàm** xem xét mặt đối lập của **vi pháp và dấu hiệu**:



Phản bao hàm do đó khẳng định rằng phi dấu hiệu bao hàm phi vi pháp.



Ở giai đoạn này, chưa cần thiết phải hiểu tại sao tùy bao hàm và phản bao hàm lại có liên hệ tất yếu với nhau. Chúng ta sẽ nghiên cứu chi tiết mối quan hệ này sau trong chương trình học, khi tìm hiểu về *Ta-rig* (Logic học và Nhận thức luận Phật giáo).

Hiện tại, chỉ cần sử dụng **phản lập trường như phương thức hình thức** để chứng minh rằng *đánh giá bao hàm sai lầm* dẫn đến *ví dụ sai lầm*. Trong bước cuối cùng, đối lập giả sau đó có thể *xem xét lại sự phân biệt và đánh giá bao hàm ban đầu của mình* và tìm kiếm các ví dụ *đúng đắn* để thay thế nếu phù hợp.

Qua tiến trình này, những người tranh biện dần tinh luyện khả năng **lý luận trừu tượng**, từ đó đặt nền tảng cho việc *chấp nhận, phân tích và cuối cùng là chứng ngộ bản chất chân thực của tánh không*.

Bước 1: Chiến lược VI (trường hợp
hệ quả vô lý: **HP₁** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **VP₁**)

ĐLG **Đồng ý**

LG • **Xà** [& trình bày]
• **Phản lập trường:** **HP₁** làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là **VP₁**

ĐLG • **Đồng ý** • **Tại sao**

LG • **Xà** [& trình bày] • tiếp tục, cho đến phản lập
• tiếp tục sang hệ quả vô lý trường được đồng ý
tiếp theo hoặc sang **Bước 2:**
Chiến lược VII

Ví dụ 1.1

ĐLG [Nêu: Nếu là màu, thì là đỏ bao hàm] [...]

LG [Hệ quả vô lý:] Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là đỏ

ĐLG **Đồng ý**

LG **Xà**
Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là đỏ

ĐLG **Tại sao**

LG ... vì nó không là thích hợp làm sắc độ đỏ

ĐLG **Không bao hàm**

LG Chứng tỏ có bao hàm, vì không thích hợp làm sắc độ đỏ là tánh
tướng của phi đỏ

ĐLG **Đồng ý**

LG **Xà**

Ví dụ 1.2

ĐLG [Nêu: Nếu là màu, thì là đỏ bao hàm] [...]

LG [Hệ quả vô lý:] Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là đỏ

ĐLG Đồng ý

LG **Xà**

Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là đỏ

ĐLG Tại sao

LG ... vì nó là trắng

ĐLG Không bao hàm

LG Chứng tỏ có bao hàm, vì trắng và đỏ là tương nghịch

ĐLG Đồng ý

LG **Xà**

Ví dụ 1.3

ĐLG [Nêu: Nếu là màu, thì là đỏ bao hàm]

LG Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là đỏ, vì nó là **màu** —
bạn đã nêu mệnh đề bao hàm

ĐLG Dấu hiệu không thành lập

LG ... chứng tỏ nó là **màu**, vì nó là **trắng**

ĐLG Dấu hiệu không thành lập

LG ... chứng tỏ nó là **trắng**, vì nó là **màu gốc**

ĐLG Dấu hiệu không thành lập

LG ... chứng tỏ nó là **màu gốc**, vì nó là **thích hợp làm sắc độ**

ĐLG Đồng ý

LG **Xà**

Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **trắng**

ĐLG Đồng ý

LG **Xà**

Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **màu**

ĐLG Đồng ý

LG **Xà**

Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **đỏ**

ĐLG Đồng ý

LG **Xà**

Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là **đỏ**

ĐLG Tại sao

LG ... vì nó là trắng

ĐLG Dấu hiệu không thành lập

LG **Xà** — hãy nhớ lại, bạn đã đồng ý màu vỏ ốc trắng là trắng rồi, vì nó là màu gốc mà?

ĐLG Tôi nhớ rồi — tôi đồng ý rằng màu vỏ ốc trắng là trắng

LG **Xà**

Màu vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là **đỏ**

ĐLG Đồng ý

LG **Xà**

Bước 2: Chiến lược VII (tiếp tục trường hợp trước đó với phản lập trường: **HP₁** làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là **VP₁** làm **hệ quả**: **a** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **B**)

ĐLG **Đồng ý**

LG • **Xà** [& trình bày]
 • **Kiểm tra lại sự phân biệt:**
 Chứng tỏ, **A** và **B** không là [sự phân biệt trước đó]

ĐLG • **Đồng ý** • **Tại sao**

LG • Xà [& trình bày] • [Trong musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa:] sự phân biệt giữa A và B là gì?	• quay về Chiến lược I (Bài tập 2: Hệ quả vô lý trong cuộc tranh biện lý luận) cho đến sự phân biệt sai lầm được từ bỏ
--	---

ĐLG • **[Sự phân biệt mới]**

LG • tiếp tục sang trường hợp tiếp theo hoặc quay về **Chiến lược I (Bài tập 2: Hệ quả vô lý trong cuộc tranh biện lý luận)**

Bài tập 6 (tùy chọn): Lập trường liên hệ

Chiến lược chính của lập giả là tái dựng lập trường của đối lập giả từ các câu đáp tiêu chuẩn. Nếu việc này không thể thực hiện được, lập giả có thể áp dụng *chiến lược thay thế* bằng cách yêu cầu đối lập giả **trực tiếp giải thích quan điểm của họ** và, nếu cần, đưa ra thêm các *lập trường liên hệ* để giải quyết hiểu lầm vốn đang cản trở tiến trình tranh biện.

Mặc dù điều này khác với hình thức tranh biện thông thường, nhưng nó có thể đóng vai trò như giải pháp cuối cùng hữu ích để làm sáng tỏ mạch lý luận của đối lập giả, đặc biệt khi thực hành với người mới tranh biện vốn có câu đáp đôi khi còn thiếu nhất quán. Một khi lý luận đã được làm rõ, hãy tiếp tục buổi tranh biện từ điểm bị gián đoạn và quay lại hình thức tranh biện tiêu chuẩn

Bước: Chiến lược thay thế (tùy chọn) (bất kỳ tam đoạn luận nào)

LG **HP_x** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **VP_x**, vì nó là **DH_x**

ĐLG • **Dấu hiệu không thành lập** [& trình bày]

LG • **HP_x** làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là **DH_x**, vì sao thế?

ĐLG • trình bày

LG • **Lập trường liên hệ**

- tiếp tục không theo trình tự cố định trừ khi/cho đến khi ĐLG đồng ý, và đánh dấu mâu thuẫn bằng **Xà**
- tiếp tục từ chỗ cuộc tranh biện đã dừng lại

Ví dụ 1

LG Đi — ji ta chơ chen

[...]

Chúng tỏ, nếu là hình, thì là màu bao hàm

ĐLG Tại sao

LG Hãy kể

ĐLG Cái bàn tròn

LG Chúng tỏ, nếu là màu, thì là hình bao hàm

ĐLG Tại sao

LG Hãy kể

ĐLG Quả táo đỏ

LG [...]

Táo đỏ làm hữu pháp, chúng tỏ nó là đỏ

ĐLG Đồng ý

LG Táo đỏ làm hữu pháp, chúng tỏ nó không là đỏ

ĐLG Tại sao

LG ... vì nó là táo

ĐLG Không bao hàm

LG ... vì nó không là thích hợp làm sắc độ

ĐLG Dấu hiệu không thành lập

LG [Lập trường liên hệ 1:] Táo làm hữu pháp, chúng tỏ nó không là màu

ĐLG Đồng ý

LG [Trở lại phản lập trường:]

Táo đỏ làm hữu pháp, chúng tỏ nó không là đỏ

ĐLG *Tại sao*

LG *[Lập trường liên hệ 2:] Táo làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là đỏ*

ĐLG *Tại sao*

LG *... vì nó không là màu*

ĐLG *Được rồi, tôi đồng ý*

LG *[Trở lại phản lập trường:]*

Táo đỏ làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là đỏ

ĐLG *Tại sao*

LG *... vì nó không là màu—suy luận cùng nhau*

ĐLG *Hmm, được rồi, tôi đồng ý về mặt lý luận*

Ví dụ 2

LG *[...] Táo đỏ làm hữu pháp, chứng tỏ nó là đỏ*

ĐLG *Đồng ý*

LG *Táo đỏ làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là đỏ*

ĐLG *Tại sao*

LG *... vì nó là táo*

ĐLG *Không bao hàm*

LG *... chứng tỏ nó không là đỏ, vì nó không là thích hợp làm sắc độ*

ĐLG *Dấu hiệu không thành lập*

LG *[Lập trường liên hệ 1:] Táo làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là màu*

ĐLG *Tại sao*

LG *... vì nó là trái cây*

ĐLG *Không bao hàm*

LG [Lập trường liên hệ 2:] "Có màu" và "là màu" làm hữu pháp, chứng tỏ chúng không phải là một

DLG Đồng ý

LG ... chứng tỏ chúng không đồng nghĩa

DLG Được rồi, tôi hiểu ý rồi

LG [Trở lại phản lập trường:]
Táo đỏ làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là đỏ

DLG Đồng ý

LG Xà
... chứng tỏ nó không là đỏ, vì sao thế?

DLG Vì táo đỏ chỉ **có** màu đỏ, chứ **không** tự thân **là** màu đỏ — tôi đã suy nghĩ theo ngôn ngữ thông thường thay vì sự phân biệt kỹ thuật

Bài tập 7: Học qua vai trò lập giả

Tâm Tâm lý học nhận thức cho rằng chúng ta học hiệu quả hơn khi chủ động truy xuất và vận dụng kiến thức, thay vì chỉ đơn thuần đọc hoặc ôn lại kiến thức. Hai phương pháp đặc biệt hữu ích là ***luyện tập xen kẽ (tiếng Anh “interleaving”)*** và ***học thông qua vai trò giáo viên (learning by teaching)***.

Luyện tập xen kẽ có nghĩa là kết hợp nhiều loại bài tập, khái niệm hoặc kỹ năng khác nhau trong quá trình luyện tập, thay vì học lặp đi lặp lại một loại trước khi chuyển sang loại tiếp theo. Mặc dù cách luyện tập này khiến việc học trở nên khó khăn hơn, nó lại củng cố khả năng nhận biết xem trong một tình huống mới cần vận dụng kiến thức hoặc chiến lược nào.

Học thông qua vai trò giáo viên cũng hoạt động theo cách tương tự. Khi giải thích một điều gì đó cho người khác, chúng ta phải truy xuất những gì mình đã biết, sắp xếp lại và diễn đạt bằng ngôn từ của chính mình. Vì vậy, việc đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi cùng với một người đồng hành có thể giúp đào sâu sự hiểu biết và làm lộ ra những khoảng trống trong kiến thức của chúng ta.

Bài tập sau đây ***đảo ngược*** các vai trò giảng dạy thông thường. Thay vì một người dạy giải thích chủ đề và chất vấn quan điểm của người học, một ***người bảo vệ có năng lực trong vai trò giảng dạy chỉ đưa ra những câu trả lời ngắn gọn***, trong khi ***người học trong vai trò chất vấn điều phối cuộc trao đổi*** thông qua các câu hỏi có cấu trúc.

Bằng cách đan xen những kết luận của chính mình và các ví dụ từ trải nghiệm cá nhân với những câu hỏi có cấu trúc trong hình thức tranh biện của người chất vấn, chúng ta ***chủ động tái cấu trúc và kiểm nghiệm sự hiểu biết của mình*** thay vì chỉ đơn giản tiếp nhận thông tin.

Khi đảm nhận vai trò giảng dạy truyền thống của người chất vấn và đồng thời tái dựng lập luận dựa trên những câu trả lời nhất quán của người bảo vệ, sự hiểu biết được phát triển ***thông qua quá trình tìm hiểu thay vì thông qua sự chỉ dẫn trực tiếp***.

Lý tưởng nhất, quá trình này có thể hỗ trợ sự tiến triển trong ***Thất bộ Giác tri của Phật giáo¹***, từ nhận thức sai lầm, qua nghi ngờ và giả định mang tính trí thức, cho đến suy luận và cuối cùng là nhận thức trực tiếp.

Khi áp dụng phương pháp này, hãy đảm bảo rằng đối lập giả hiểu *mục tiêu học tập* của bạn và *đồng ý* dẫn dắt bạn trong vai trò lập giả. *Hãy bỏ qua nhiều bước giới thiệu nếu cần*, điều chỉnh các phát biểu câu hỏi theo mức độ hiểu biết hiện tại và tập trung vào những điều giúp thúc đẩy việc học của bạn tốt nhất.

¹ Hiện tiền

Tỷ độ

Dĩ quyết thức

Ý tứ sát

Nghi

Hiển nhi bất định

Tà thức

Bước 1: Tìm lập trường

LG **HP_x** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **VP_x**

ĐLG • Đồng ý

• Tại sao

LG • ... chứng tỏ nó là **VP_x**, vì sao thế?

• ... chứng tỏ nó là **Phản VP_x**, vì sao thế?

ĐLG • [Suy luận]

• [Suy luận]

Ví dụ

LG [...] Phi hữu làm hữu pháp, chứng tỏ nó là phi hữu

ĐLG Tại sao

LG ... chứng tỏ nó là hữu, vì sao thế?

ĐLG Vì nó là đồng nghĩa với (khái niệm) sự vắng mặt hoặc sự không thể

Bước 2: Phân tích vi pháp

LG **HP_x** làm hữu pháp, chứng tỏ nó là **VP_x**

ĐLG • Đồng ý • Tại sao

LG • ... chứng tỏ nó là **Phản VP_x**, • ... vì nó là **DH_x**
vì nó là **Phản DH_x**

ĐLG • Dấu hiệu không thành lập • Dấu hiệu không thành lập
• Không bao hàm • Không bao hàm

Ví dụ

LG [...] Không thể làm hữu pháp, chứng tỏ nó là không thể

ĐLG Tại sao

LG ... chứng tỏ nó là có thể

ĐLG Đồng ý

LG ... chứng tỏ nó là không thể, vì nó là đồng nghĩa với phi hữu

ĐLG Không bao hàm

LG Tại sao không bao hàm

ĐLG Nếu là đồng nghĩa với phi hữu, thì là không thể không bao hàm

LG Vậy thì, không thể làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là không thể

ĐLG Đồng ý

Bước 3 (tùy chọn): So sánh mệnh đề bao hàm với lập trường
(trường hợp: **A** và **B** là tương nghịch và các ví dụ **a** và **b** đã được xác nhận)

LG **A** và **B** làm hữu pháp, chứng tỏ chúng là **tương nghịch**

ĐLG **Đồng ý**

LG **A** làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là **B**

ĐLG • **Đồng ý** • **Tại sao**

LG • ... vì nó là tương nghịch với **B**

ĐLG • **Không bao hàm**

LG **B** làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là **A**

ĐLG • **Đồng ý** • **Tại sao**

LG • ... vì nó là tương nghịch với **A**

ĐLG • **Không bao hàm**

Ví dụ

LG [...] Hữu và phi hữu làm hữu pháp, chứng tỏ chúng là tương nghịch

ĐLG Đồng ý

LG Hữu làm hữu pháp, chứng tỏ nó là hữu

ĐLG Đồng ý

LG Phi hữu làm hữu pháp, chứng tỏ nó là phi hữu

ĐLG Tại sao

LG ... vì nó là tương nghịch với hữu

ĐLG Không bao hàm

LG ... chứng tỏ nó là phi hữu, vì hữu là hữu, vậy chẳng phải lý luận nên giống nhau sao?

ĐLG Lý luận không giống nhau, vì chỉ những biệt của phi hữu mới là phi hữu, trong khi phi hữu chính là hữu hoặc tồn tại

LG Được rồi, vậy thì — phi hữu làm hữu pháp, chứng tỏ nó là hữu

ĐLG Đồng ý

LG Nhưng sừng thỏ làm hữu pháp, chứng tỏ nó là phi hữu

ĐLG Đồng ý

ĐU-TRA 1

Cơ thành

Chủ đề căn bản nhất trong *Nhiếp Loại Học* là “Cơ thành”. Nó được định danh như vậy vì việc thấu hiểu đúng đắn về nó là điều cần thiết trước khi tiếp cận vô ngã hay tánh không; các cơ thành cung cấp nền tảng để thấu triệt bất kỳ chủ đề nào tiếp theo.

Khác với *Màu sắc và v.v.*, từ thời điểm này trở đi, việc nắm vững nội dung chủ đề một cách thấu đáo trở nên thiết yếu để có thể tham gia tranh biện hiệu quả. Do đó, cần đặc biệt chú trọng vào việc ghi nhớ các tánh tướng và phân loại chính xác.

Với phương pháp luận căn bản về tranh biện hiện đã sẵn sàng, chúng ta có thể — bắt đầu với *Cơ thành* — hướng tới sự tầm cầu kiến thức thực thụ, mục tiêu chính yếu của hệ thống tranh biện Nalandà. Về mặt tâm lý học, điều này bao gồm việc trau dồi một **sở y nội tại (internal locus)**: một hình thức xác chứng bắt nguồn từ sự tự tin và xác tín dựa trên sự thấu hiểu của chính mình.

Điều này tương phản với hầu hết các hệ thống giáo dục truyền thống và hiện đại, vốn có xu hướng vận hành với một **sở y ngoại tại (external locus)**. Kiến thức thường được theo đuổi không phải vì bản thân sự hiểu biết, mà để được xác chứng từ bên ngoài — phổ biến nhất là sự xác nhận từ xã hội, và ở mức độ thấp hơn là sự an toàn về thân thể hoặc vật chất. Ngay cả khi chúng ta tầm cầu kiến thức trong các bối cảnh thông thường, nó thường xuyên phục vụ cho mục đích ngoại tại này. Hầu hết những người có giáo dục hiếm khi từ bỏ nỗ lực không ngừng nhằm bảo đảm và duy trì vị thế của họ trong xã hội, cộng đồng, hội nhóm hoặc gia đình. Thay vào đó, phần lớn nguồn lực của họ trước tiên được dành cho sự sinh tồn, và khi điều đó đã được bảo đảm, họ

chuyển sang việc cải thiện địa vị của mình trong chính những vòng tròn mà họ tìm kiếm sự công nhận và xác chứng.

Vì lý do này, sự chuyển dịch từ xác chứng ngoại tại sang nội tại có thể gặp khó khăn. Đừng nản lòng nếu tiến trình tranh biện hoặc sự hiểu biết của bạn cảm thấy chậm chạp hoặc không chắc chắn. Điều quan trọng không phải là kết quả biến động của những nỗ lực — đôi khi đáng khích lệ, đôi khi gây nản lòng — mà là ý định kiên định dẫn thân vào nội dung chủ đề.

Hãy kiên trì với sự nhẫn nại và quyết tâm. Những chướng ngại bạn gặp phải là tự nhiên, đặc biệt là vì việc trau dồi sự thấu hiểu nội tâm hiếm khi được ưu tiên. Việc thực hành giáo pháp chính xác như đã được chỉ dẫn và từ đó chuyển hóa tâm thức — một tiến trình mà ngay cả tâm lý học và thần kinh học hiện đại cũng công nhận là một hình thức tái điều kiện hóa (reconditioning) không thoải mái — được xem là hình thức cúng dường cao thượng nhất, vượt xa các món quà vật chất và lời tán dương cửa miệng.

Vì vậy, đừng ngã lòng. Nỗ lực nhất quán của bạn chính là sự biểu hiện chân thực nhất của lòng tri ân.

ལྷ་མ་མཉེས་པའི་མཆོད་པ་ནི་གདམས་ངག་ཉམས་སུ་མེན་པ་ཡིན།

*Cúng dường làm Đạo sư hoan hỷ
chính là y giáo phụng hành lời khẩu quyết.*

— *Lamrim Chenmo (Đạo Thứ Độ Quảng Luận),*
bởi bậc thầy Tsongkhapa

Bài tập 1: Vô thường và Thường

Phân loại đầu tiên được giới thiệu cho *Cơ thành* là **vô thường và thường**. Trong số các cặp đối lập tiếp theo, *Loseling Đu-tra* tuyên bố rằng *vật, tác, tụ tác, thắng nghĩa đế*, và *tự tướng* là **đồng nghĩa** với *vô thường*. Tuy nhiên, các pháp đối lập của chúng **không nhất thiết là đồng nghĩa** với *thường*.

Các tác giả khuyến khích chúng ta tự xác định xem những pháp nào sau đây là đồng nghĩa với *thường* và pháp nào thì không: *vô vật, vô tác, vô tụ tác, tục đế*, và *cộng tướng*.

Một điểm khác cần khảo sát là tuyên bố có vẻ mâu thuẫn rằng các pháp **thắng nghĩa đế** là **đồng nghĩa** với các pháp **vô thường**. Làm thế nào một thứ có *công năng thắng nghĩa* có thể là *sát na*?

Cái cách để giải quyết mâu thuẫn biểu hiện bên ngoài này nằm ở những cách tiếp cận khác nhau của tông phái *Tỳ-bà-sa bộ* và *Kinh Lượng Bộ*. Trong truyền thống Phật giáo, *Tỳ-bà-sa bộ* trình bày sự phân tích pháp một cách *cụ thể ở cấp độ sơ cơ* và do đó phản ánh một quan điểm quen thuộc với hầu hết các hành giả: pháp **tục đế** là **có thể bị phá**, trong khi pháp **thắng nghĩa đế** là **không thể bị phá**. Theo đó, tông phái này hiểu *vô thường* là *hoại diệt* và *thường* là *tồn tại vĩnh viễn*. Một cái bình hay một cái cột cuối cùng sẽ kết thúc, trong khi hư không và thức không bộ phận sẽ tồn tại mãi mãi.

Ngược lại, *Kinh Lượng Bộ (Tùy lý hành)* phân tích pháp ở cấp độ *trừu tượng và vi tế hơn*. Từ quan điểm này, *thường và vô thường* được định nghĩa không phải bởi thời gian tồn tại có thể quan sát được, mà bởi tính có thể biến đổi ẩn tàng. Do đó, một thứ có thể tồn tại chỉ trong một sát na, trong một thời gian dài vô lượng, hoặc mãi mãi; nếu nó ***biến đổi***, nó ***vô thường***, còn nếu nó ***không biến đổi***, nó ***thường***.

Ví dụ về pháp *vô thường có thể bị phá* bao gồm bình, cột, cây, và cá thể. Ví dụ về pháp *vô thường không thể bị phá* bao gồm thức và thời gian. Mặt khác, ví dụ về pháp *thường có thể bị phá* bao gồm một niệm tưởng và nghĩa tổng, trong khi pháp *thường không thể bị phá* bao gồm hư không vô vi và hữu.

Theo đó, ***thắng nghĩa đế*** là đồng nghĩa với *vô thường* không phải vì bản thân tính vô thường có thể quan sát trực tiếp, mà vì *vô thường* có thể được tri nhận ***trực tiếp*** và do đó ***không sai lầm***. Ngược lại, pháp *thường* chỉ được biết ***gián tiếp*** thông qua ***tư duy phân biệt***, khiến chúng trở thành ***tục đế*** (sẽ có thêm về điều này trong Lô-rig và Đúp-tha).

Hãy tranh biện về sự phân biệt giữa hai pháp được liệt kê dưới đây, được phỏng theo các ví dụ tranh biện của *Yongdzin*. Một số phân loại ban đầu có vẻ gây khó hiểu, vì vậy đừng lo lắng về việc đạt được câu trả lời đúng ngay lập tức. Thay vào đó, hãy tiếp tục tranh biện, đặt câu hỏi và phân tích. Ở giai đoạn này, trọng tâm ***không phải là thấu hiểu các khái niệm***, mà là phát triển khả năng đặt ra và thảo luận ***câu hỏi và nghi vấn trong hình thức tranh biện***.

	A	B
1 (1.1)*	Cơ thành	Thường
2 (1.2)	Cơ thành	Vô thường
3 (2.1)	Hữu	Vật
4 (2.2)	Hữu	Vô vật
5 (5.1)	Vô vật	Thường
6 (5.2)	Vô vật	Sùng thờ
7 (7)**	Sắc	Hình sắc
8 (8)**	Sắc	Màu sắc
9 (7)	Tự tướng	Thức

Bổ sung: Tranh biện về các lập trường

1. Pháp làm hữu pháp, chứng tỏ nó là thường
2. Pháp làm hữu pháp, chứng tỏ nó là vô thường
3. Vô thường làm hữu pháp, chứng tỏ nó là vô thường
4. Niệm tướng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là thường

* Dấu ngoặc đơn () chỉ ra trình tự gốc của các ví dụ tranh biện được trình bày trong chương tương ứng của bộ *Yongdzin Du-Tra*.

** Trích từ chương *Màu sắc và v.v.* của bộ *Yongdzin Du-Tra*

Bài tập 2 (tùy chọn): Vật

Đối với các phân loại của **Vật**, các sự tương (minh họa) hoặc chi tiết thêm không được cung cấp một cách hệ thống trong các tác phẩm của các bậc thầy Ấn Độ hay trong các bản văn gốc của *Đu-Tra*. Thay vào đó, các ví dụ được sử dụng trong các tu viện bắt nguồn từ các sách thủ bản *Đu-Tra*, được tinh luyện qua nhiều thế kỷ và được định hình thêm thông qua truyền thống khẩu truyền vì mục đích đào tạo tranh biện.

Do đó, các sự tương và phần bổ sung trong **Phụ lục** không mang tính kinh điển, mà phản ánh cách thức các phân loại này thường được trình bày trong giáo dục tu viện, với những biến thể tùy theo từng tu viện. Bạn được khuyến khích tranh biện về các ví dụ này và so sánh chúng với các trường hợp đương đại của chính bạn

Bài tập 3: Sở thức mà có thể là và Sở thức mà không thể là

Với chủ đề này, chúng ta bắt đầu đối diện với sự căng thẳng tâm lý giữa cách chúng ta tri nhận các tập hợp và cách chúng thực sự tồn tại. Như một sự định hướng đầu tiên, hãy xem xét quy tắc kinh nghiệm (quy tắc ngón tay cái) sau đây:

1. **Sở thức mà có thể là [chính nó]** là một tập hợp các đối tượng có thể tư duy mà **không (tương) nghịch**.
2. **Sở thức mà không thể là [chính nó]** là một tập hợp các đối tượng có thể tư duy mà **(tương) nghịch**.

Nhắc nhở: (Tương) nghịch là không có điểm chung; không (tương) nghịch là có điểm chung.

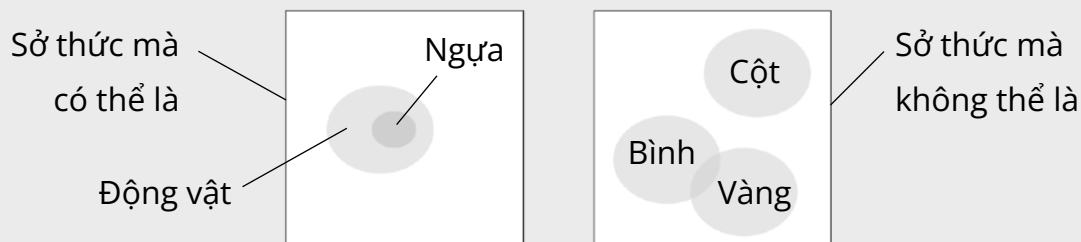
Lưu ý rằng đây chỉ đơn thuần là một công cụ hỗ trợ ghi nhớ và không nên nhầm lẫn với một tánh tướng chính thức; nó chỉ là một phương tiện sư phạm sơ bộ.

Ví dụ về **sở thức mà có thể là**:

- bình (một hữu duy nhất)
- vô thường và vật (hữu khác nhau nhưng đồng nghĩa)
- ngựa và động vật / hữu và vô thường (hữu khác nhau nhưng musum)
- vàng và bình (hữu khác nhau nhưng mushi)
- vàng, bình và kim loại (ba hoặc nhiều hữu khác nhau nhưng không tương nghịch)
- hư không và phủ định (hữu khác nhau nhưng không tương nghịch)
- thường và duy thường (hữu và vô hữu mà (tương) nghịch)

Ví dụ về **sở thức mà không thể là**:

- cột và bình / hữu và thường và vô thường (hai hoặc nhiều hữu khác nhau, trong đó có ít nhất hai hữu tương nghịch)
- thường và sùng thờ (hữu và vô hữu mà (tương) nghịch)



	A	B
1	<i>Sở thức mà có thể là</i>	<i>Sở thức mà không thể là</i>
2	<i>Cột</i>	<i>Sở thức mà có thể là</i>
3 (3)	<i>Sở thức</i>	<i>Sở thức mà có thể là</i>
4 (4)	<i>Hữu</i>	<i>Hữu mà không thể là</i>
5	<i>Sở thức mà không thể là</i>	<i>Sùng thờ</i>
6	<i>Sở thức mà có thể là</i>	<i>Thường</i>
7	<i>Sở thức mà không thể là</i>	<i>Sát na</i>
8	<i>Sở thức mà không thể là</i>	<i>Vô vật</i>

Bổ sung: Tranh biện về các lập trường

1. Sở thức mà không thể là làm hữu pháp, chứng tỏ nó là thường
2. Sở thức mà không thể là làm hữu pháp, chứng tỏ nó là sở thức mà không thể là
3. Cột và bình làm hữu pháp, chứng tỏ nó là sở thức mà không thể là
4. Cột và bình làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là cột và bình
5. Cột và bình làm hữu pháp, chứng tỏ nó là tập hợp cột và bình

Bài tập 4: Một và Khác

Chủ đề **một và khác** giới thiệu khái niệm về tính đồng nhất và phân biệt. Chỉ có các pháp *khác nhau* mới có thể được phân biệt theo *musum*, *mushi*, đồng nghĩa, và tương nghịch. Mặc dù điều này có vẻ trái ngược với trực giác, do đó hai pháp đồng nghĩa với nhau không bao giờ có thể là *một* (hoặc đồng nhất).

Hãy lưu ý rằng trong đời sống hàng ngày *pháp* và *hữu* thường được xem là đồng nhất, nhưng theo quan điểm *Kinh Lượng Bộ*, chúng được phân loại là *khác nhau*. Theo quy tắc kinh nghiệm, bạn có thể nghĩ về

- **một** là đồng nhất về nghĩa và danh tự, và
- **khác** là dị biệt về nghĩa và/hoặc danh tự.

Có thể có một số ngoại lệ về ngôn ngữ; ví dụ, *chu*, từ tiếng Tây Tạng cho “nước”, và *nước* được coi là một.

Một lưu ý kỹ thuật: *Một* và *khác* chỉ áp dụng cho các *hữu*. Mặc dù vô thường là **khác** với *sừng thỏ*, nhưng *sừng thỏ* **không phải là khác cũng không phải là một** với vô thường. Tuy nhiên, trong tranh biện, vô thường và *sừng thỏ* về mặt kỹ thuật được gọi là **khác**, nhưng không phải là **khác nhau**.

Để tiếp cận chủ đề **một và khác** qua hình thức tranh biện, hãy sử dụng **Bài tập 5: Học qua vai trò lập giả** trong **Sách bài tập Chuẩn bị** để hỏi và/hoặc xác nhận các ví dụ về một và khác

	A	B
1 (3.1)	Sở thức mà có thể là	Một
2 (3.2)	Sở thức mà có thể là	Khác
3	<i>Thường</i>	<i>Một</i>
4	<i>Vô thường</i>	<i>Khác</i>
5	<i>Sở thức mà không thể là</i>	<i>Một</i>
6	<i>Sở thức mà không thể là</i>	<i>Khác</i>
7	<i>Đồng tảo</i>	<i>Một</i>
8	<i>Khác</i>	<i>Khác nhau</i>

Bổ sung: Tranh biện về các lập trường

1. Hữu làm hữu pháp, chứng tỏ nó là một
2. Hữu làm hữu pháp, chứng tỏ nó là khác
3. Khác làm hữu pháp, chứng tỏ nó là một
4. Khác làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là một
5. Khác làm hữu pháp, chứng tỏ nó là khác
6. Khác làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là khác

Bài tập 5: Tánh tướng và Sở tướng

Như truyền thống triết học Hy Lạp cổ đại duy trì, “*biết một vật là gì chính là biết tánh tướng của nó*,” tâm lý học nhận thức cũng quan sát tương tự rằng *con người phản ứng khác nhau tùy thuộc vào cách một thứ gì đó được định nghĩa*, ngay cả khi các đối tượng tham chiếu cơ bản là đồng nhất. Tuệ giác này được phản chiếu trong truyền thống học thuật Phật giáo Tây Tạng. Một lập giả lành nghề vận hành như cái được gọi là *mtshan nyid smra ba* — “*người tuyên thuyết tánh tướng*” — người không chỉ phải nêu ra các tánh tướng mà còn phải chịu đựng được những hệ quả của chúng dưới sự phân tích.

Các bậc tổ sư Nalanda đã hệ thống hóa các tánh tướng xuyên suốt các hệ tông phái theo những cách tinh luyện dần, cho phép hành giả đào sâu sự thấu hiểu về thực tại. Ở mức tối thiểu, một người Phật tử được đặc trưng là đã chấp thuận ý nghĩa của **Bốn Pháp Ấn** như được giải thích trong hệ thống *Tỳ-bà-sa* bộ. Thông qua huấn luyện tranh biện, người ta tinh luyện sự thấu hiểu về tâm lý và bản thể học của mình và dần dần được dẫn dắt đến những quan điểm vi tế hơn, chẳng hạn như quan điểm của *Kinh Lượng Bộ* — lý tướng nhất là dựa trên lý luận hơn là sự tôn kính thuần túy.

Ngay cả trong một hệ thống nhất định như cách trình bày của *Kinh Lượng Bộ* trong *Đu-tra*, các tánh tướng không được xem là cố định một cách cứu cánh. Tuy nhiên, để tranh biện có thể vận hành, điều thiết yếu là những người tham gia phải hoạt động với một **bộ các tánh tướng chung**. Nếu không có điều này, ý nghĩa các phát biểu của người kia vẫn không rõ ràng, và cuộc thảo luận dễ dàng biến chất thành một cuộc tranh giành thắng thua thay vì là một sự truy vấn hợp tác vào chân lý. Vì lý do này, khi một buổi tranh biện trở nên gây nản lòng hoặc tạo cảm giác đối nghịch, việc hỏi đối phương *ý của họ là gì* — cụ

thể là họ *định nghĩa* các thuật ngữ đang được thảo luận như thế nào — thường mang lại hiệu quả. Điều này minh chứng cho vai trò trung tâm của các tánh tướng trong việc cấu trúc nên một cuộc đối thoại có ý nghĩa.

Với tinh thần đó, bây giờ chúng ta chuyển sang phần trình bày kỹ thuật về *tánh tướng* trong *Đu-tra*. Để hiểu điều này một cách chính xác, chúng ta xem xét tánh tướng của chính **tánh tướng** và sự phân biệt của nó với **sở tướng**: *Tánh tướng* là *chất hữu*, trong khi *sở tướng* là *giả hữu*. Mặc dù điều này sẽ được giải thích chi tiết hơn trong các chương sau, nhưng một lời giải thích ngắn gọn như sau:

- **Chất hữu** có thể được biết mà **không cần sự hiểu biết trước đó** về thứ khác, trong khi
- **giả hữu** chỉ có thể được biết **sau khi hiểu biết trước đó** về thứ khác.

Theo nghĩa này, *tánh tướng* được đặt cơ sở trên *chính đối tượng*, trong khi *sở tướng* được thiết lập thông qua tướng niệm giả lập — thông qua việc áp đặt một *danh tự*.

Như một chỉ dẫn thực tế — không được nhầm lẫn với các tánh tướng thực thụ — *sở tướng* chỉ có thể được biết một khi *tánh tướng* tương ứng được biết, trong khi *tánh tướng* có thể được biết mà không cần biết *sở tướng* của nó. Tóm lại:

- *Sở tướng* là cái có (hoặc được đặc trưng bởi) một *tánh tướng*;
- *Tánh tướng* là cái có (hoặc đặc trưng cho) một *sở tướng*.

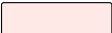
Tánh tướng và *sở tướng* là **phân loại được liệt kê đầy đủ** và nhìn chung là **phân loại tương nghịch** của *cơ thành*. Tuy nhiên, một *tánh tướng cụ thể* và *sở tướng* tương ứng của nó luôn luôn **đồng nghĩa**. Trên cơ sở này, **Bát Môn Bao Hàm giữa Tánh tướng và Sở tướng** được thiết lập.

	A	B
1	<i>Sở tướng</i>	<i>Tánh tướng</i>
2	<i>Sở tướng của sanh</i>	<i>Sở tướng của thích hợp tam sanh, diệt, trụ</i>
3	<i>Gió</i>	<i>Nhẹ và động</i>
4	<i>Tánh tướng của nước</i>	<i>Sở tướng của ướt và lỏng</i>
5	<i>Đất</i>	<i>Sở tướng của cứng và đặc</i>
6	<i>Tánh tướng</i>	<i>Nóng và phồng</i>
7	<i>Tánh tướng</i>	<i>Chất hữu</i>
8	<i>Phi tánh tướng</i>	<i>Giả hữu tam pháp bất hội</i>

Bổ sung: Tranh biện về các lập trường

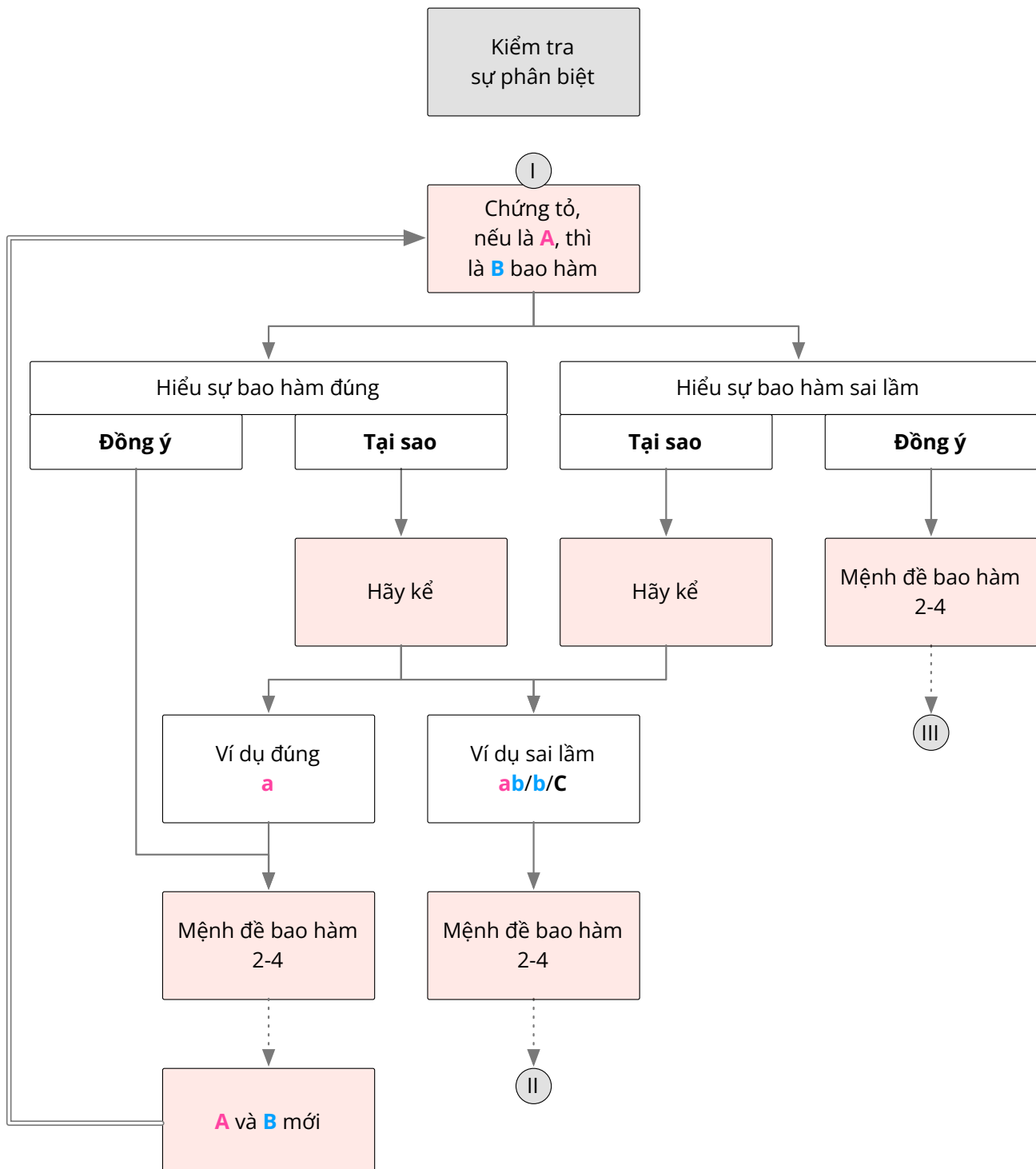
1. Tánh tướng của hư không làm hữu pháp, chứng tỏ nó là thường
2. Sở tướng của khía cạnh vắng mặt sự cản trở làm hữu pháp, chứng tỏ nó là thường
3. Có công năng chống đỡ xà làm hữu pháp, chứng tỏ nó là vô thường
4. Tánh tướng của cột làm hữu pháp, chứng tỏ nó là vô thường
5. Sở tướng của có công năng chống đỡ xà làm hữu pháp, chứng tỏ nó là vô thường
6. Sở tướng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là sở tướng
7. Tánh tướng làm hữu pháp, chứng tỏ nó là tánh tướng

PHỤ LỤC

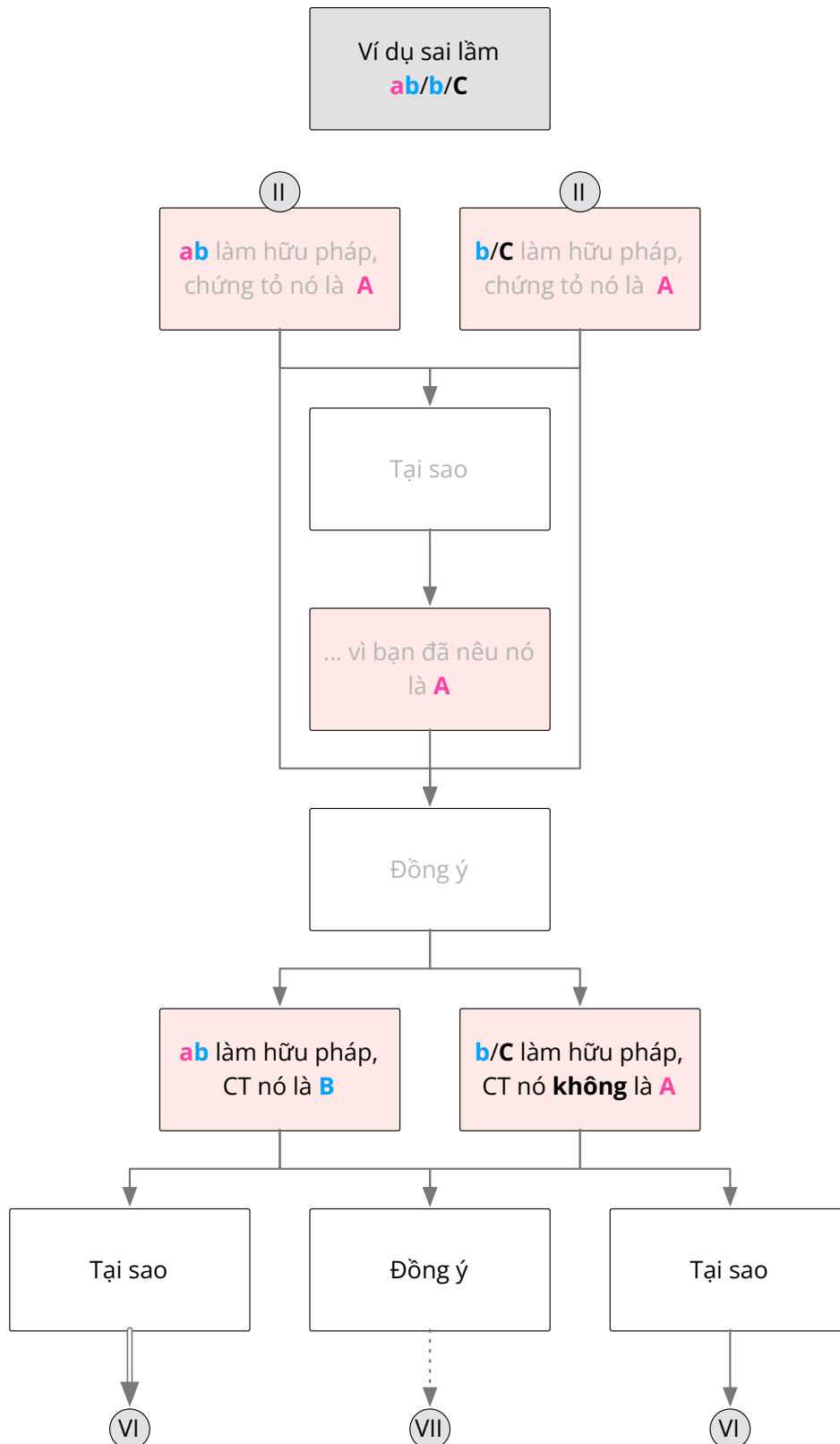
-  Lập giả
-  Đối lập giả
-  Không phải mọi bước đều được trình bày
-  Mẫu lặp lại
- Xám Không nhất thiết được nói ra
-  Tiếp tục từ chỗ đã dừng

Lưu đồ: Chiến lược I

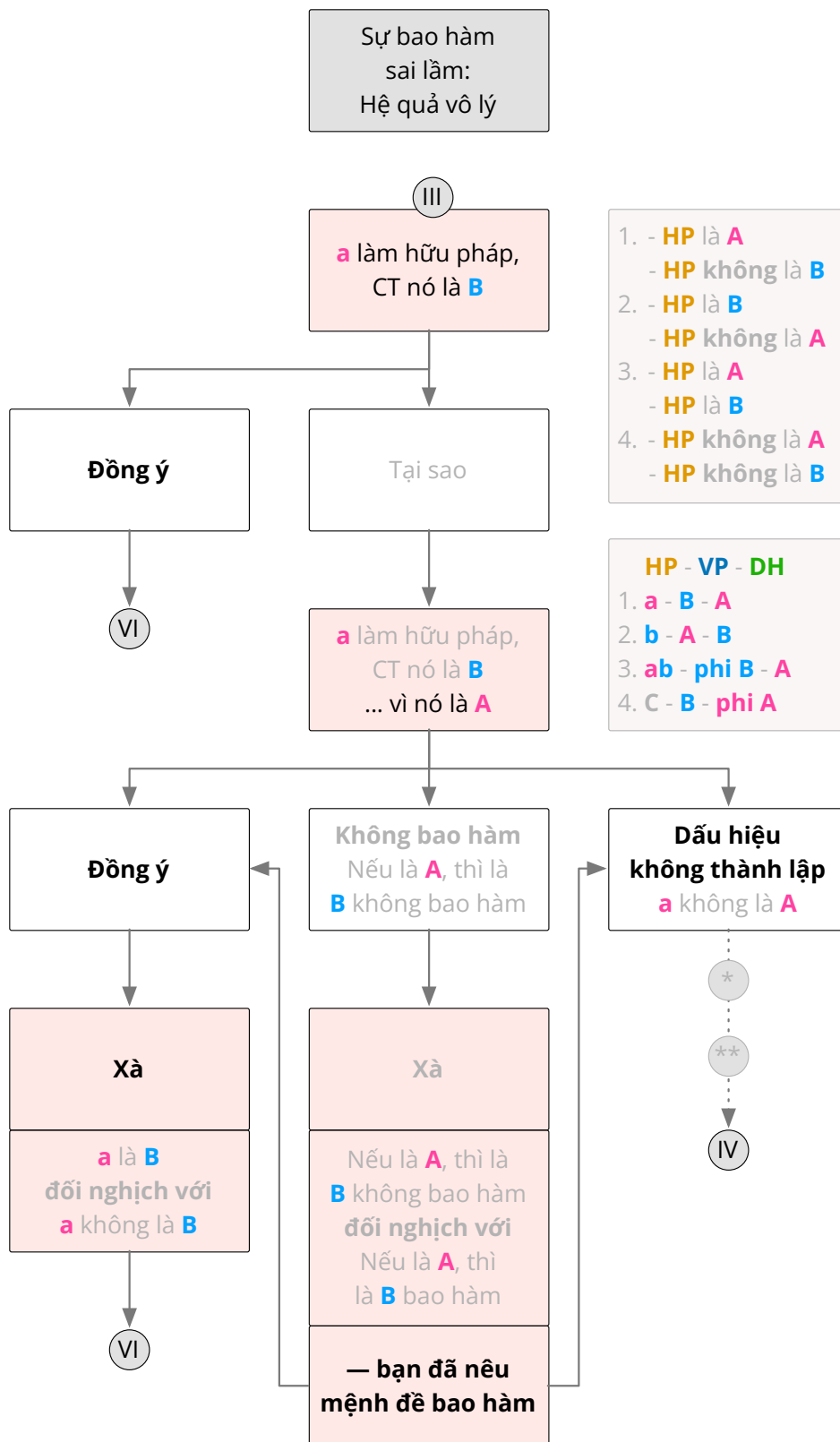
(Minh họa dựa trên mệnh đề bao hàm thứ nhất)



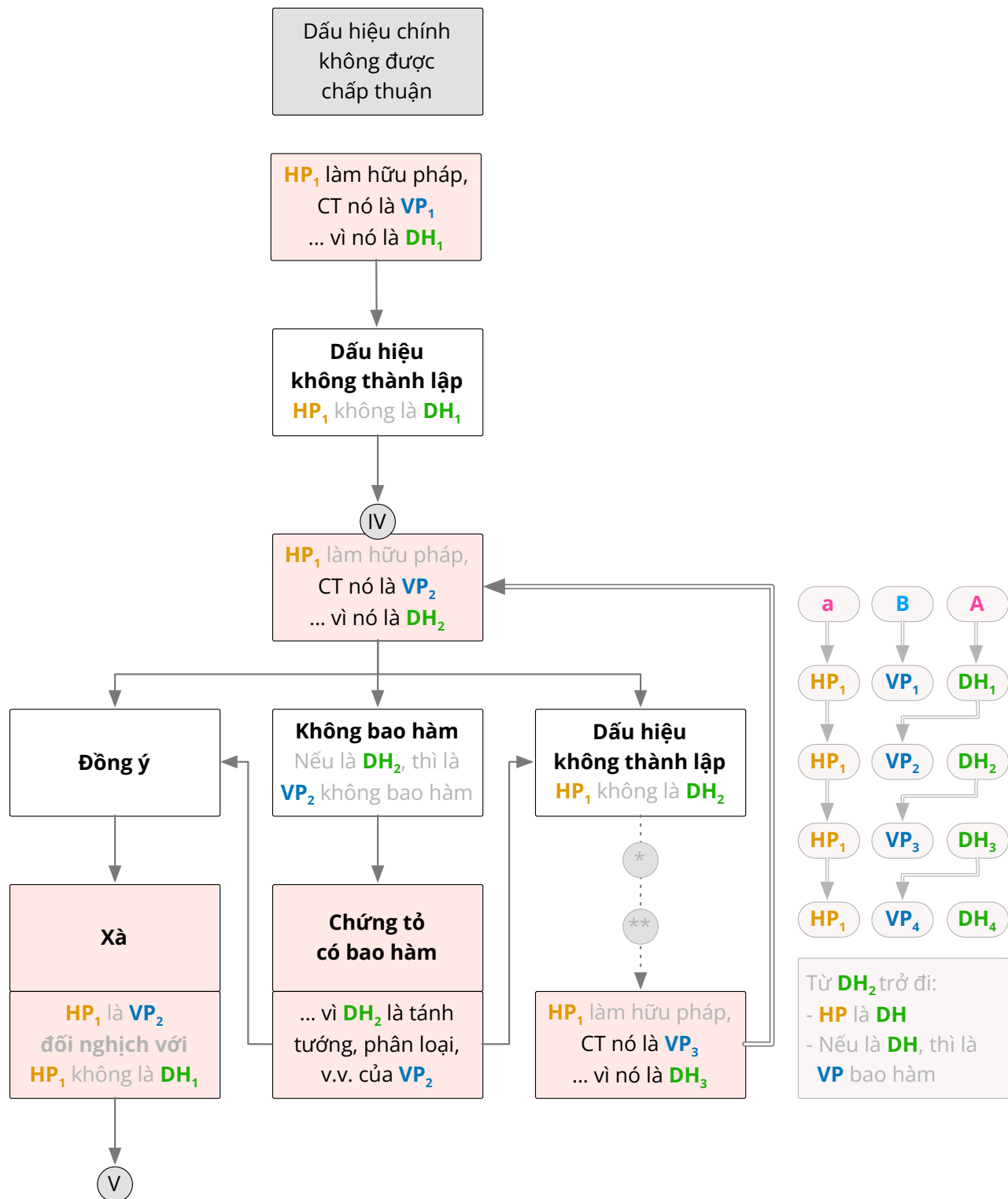
Lưu đồ: Chiến lược II (tùy chọn)



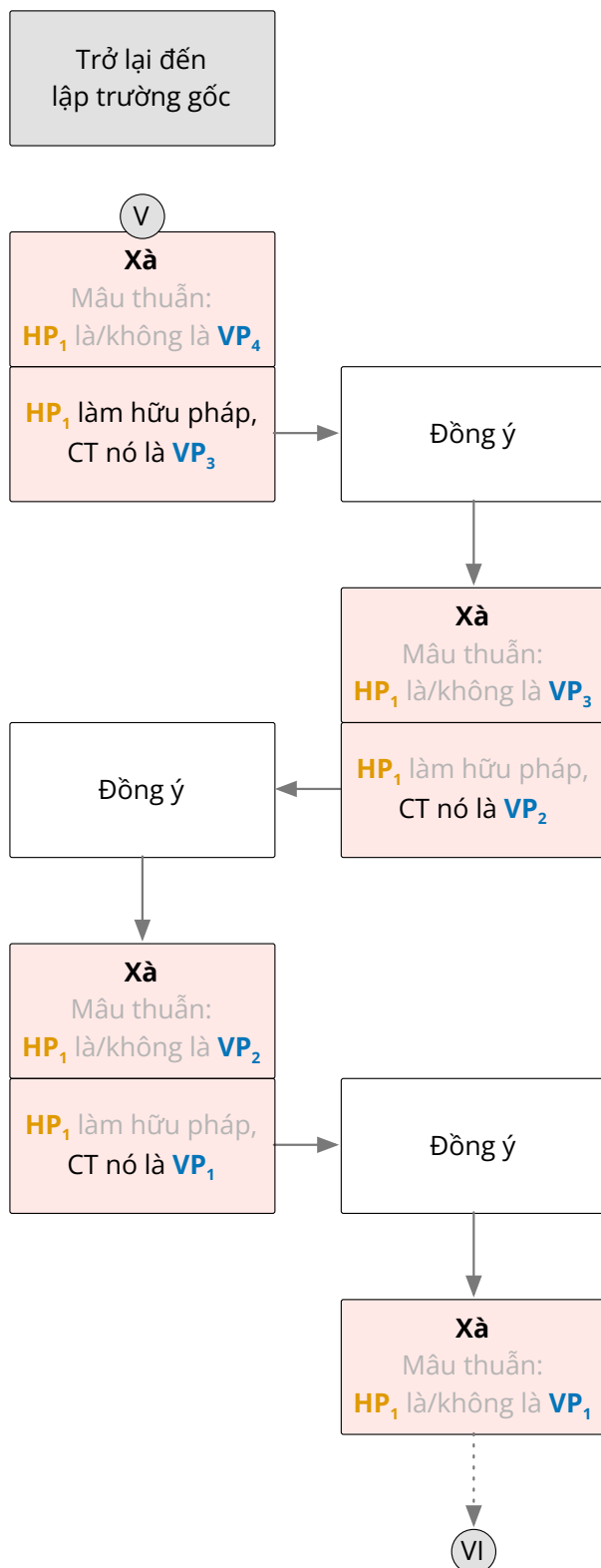
Lưu đồ: Chiến lược III



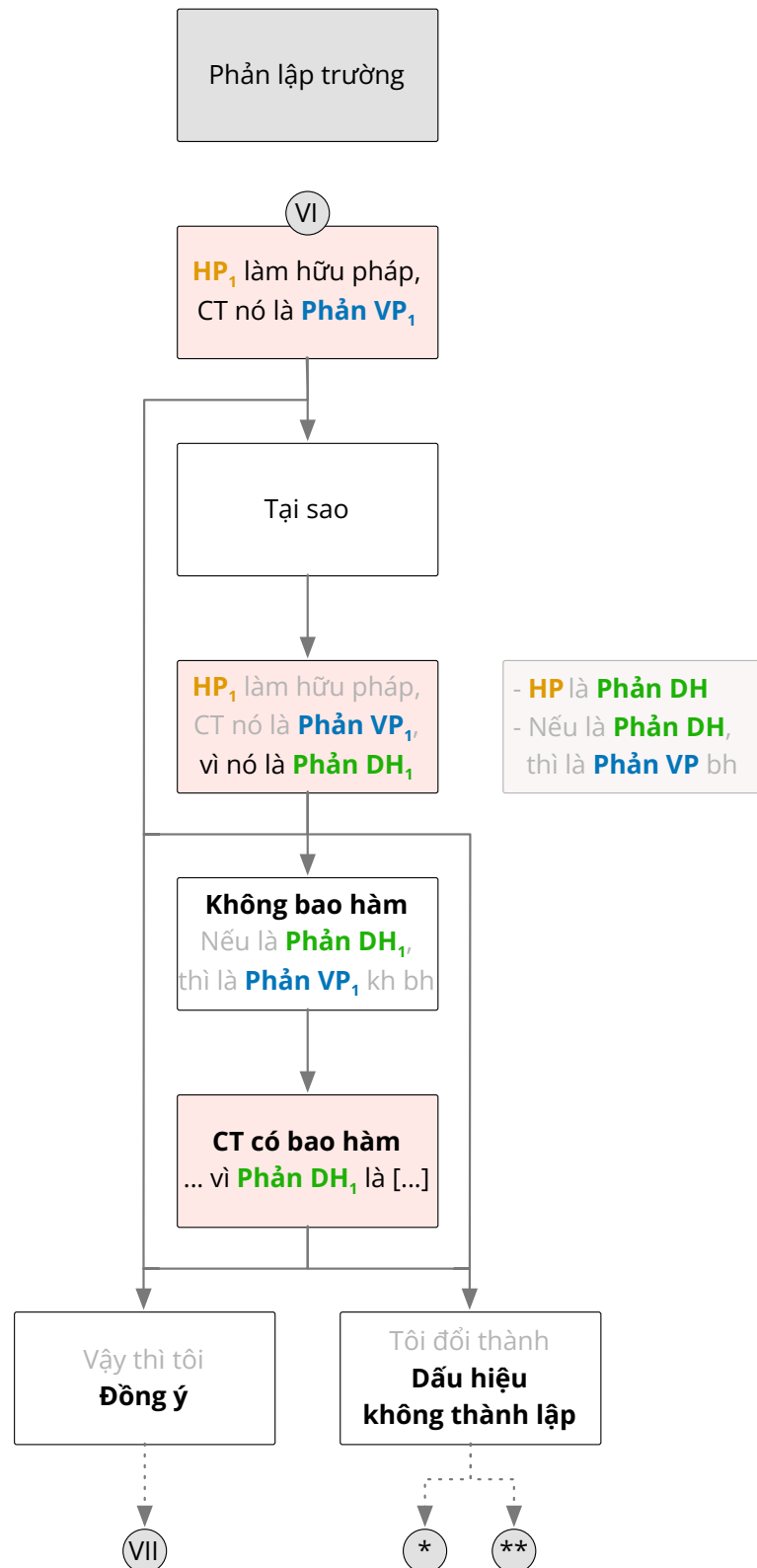
Lưu đồ: Chiến lược IV



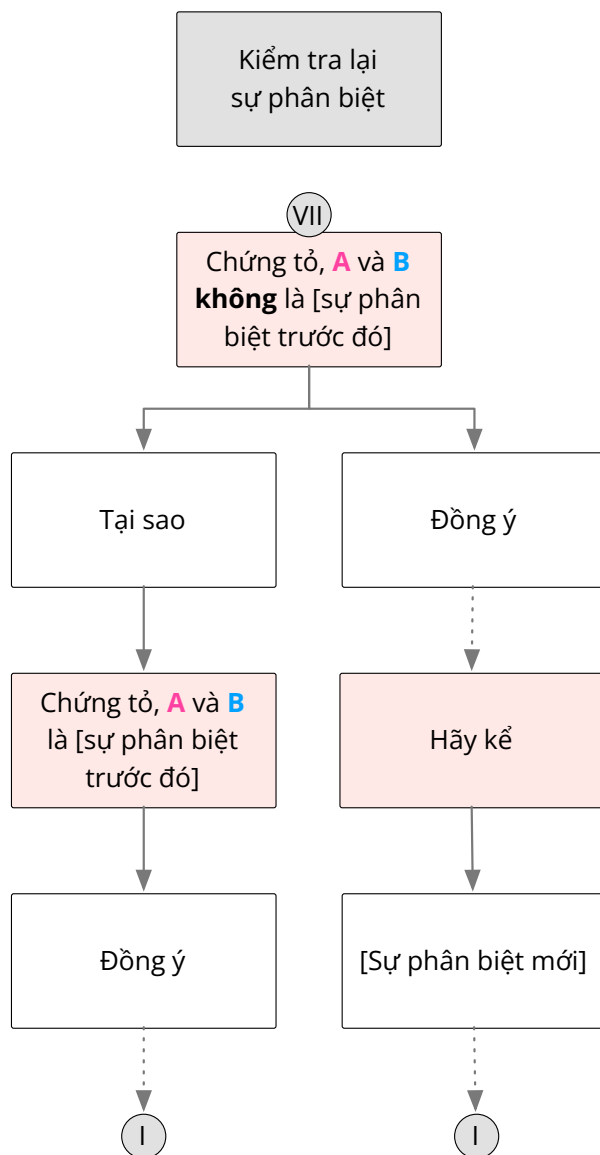
Lưu đồ: Chiến lược V



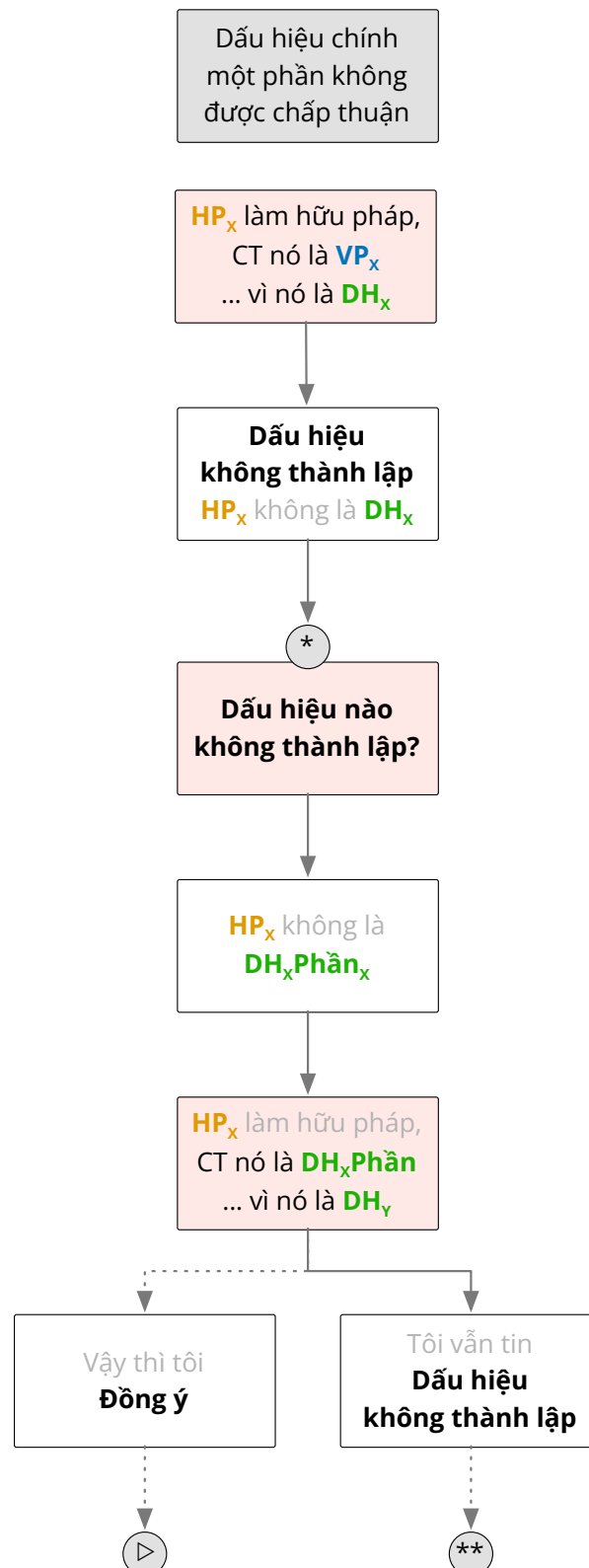
Lưu đồ: Chiến lược VI



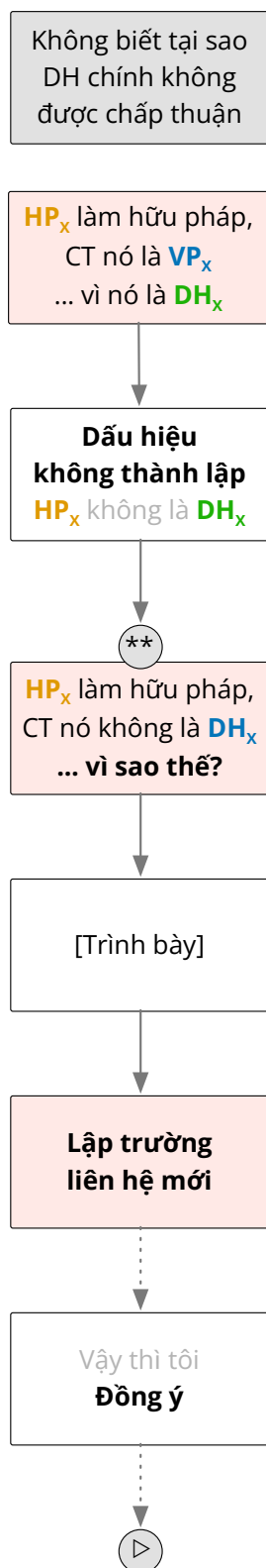
Lưu đồ: Chiến lược VII



Lưu đồ: Chiến lược bổ sung (tùy chọn)

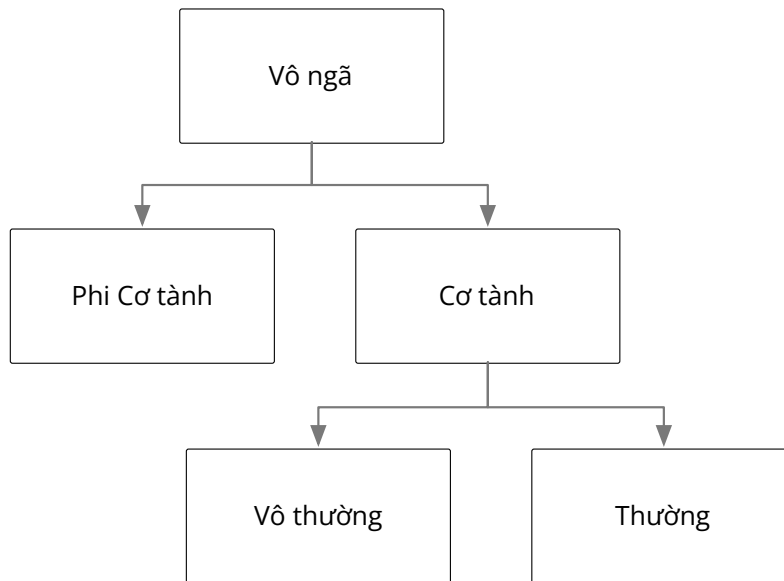


Lưu đồ: Chiến lược thay thế (tùy chọn)

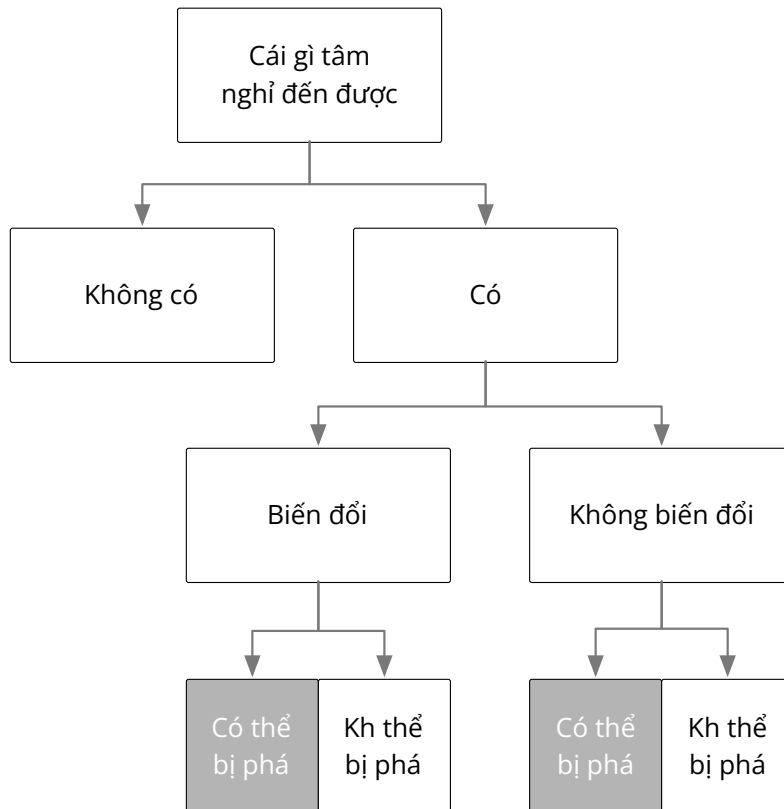


Phụ chú về Cơ tành

Bảng Cơ tành



Bảng gian lận



Phụ chú về Vật

	Phân loại Màu sắc	Đại diện
I	Xanh	Gió
II	Vàng	Đất
III	Trắng	Nước
IV	Đỏ	Lửa

	Phân loại Âm thanh	Cơ tướng
I	Âm thanh dễ chịu phát âm rõ ràng do đại hữu tình tạo ra	Lời dạy chính pháp
II	Âm thanh không dễ chịu phát âm rõ ràng do đại hữu tình tạo ra	Âm thanh của những lời thô ác
III	Âm thanh dễ chịu phát âm không rõ ràng do đại hữu tình tạo ra	Tiếng búng ngón tay
IV	Âm thanh không dễ chịu phát âm không rõ ràng do đại hữu tình tạo ra	Tiếng nắm tay va chạm
V	Âm thanh dễ chịu phát âm rõ ràng do đại vô tình tạo ra	Lời dạy chính pháp được truyền tải qua tiếng cây xào xạc bởi thần lực phi thường của một vị Phật
VI	Âm thanh không dễ chịu phát âm rõ ràng do đại vô tình tạo ra	Lời quở trách được truyền tải qua tiếng cây xào xạc bởi thần lực phi thường của một vị Phật
VII	Âm thanh dễ chịu phát âm không rõ ràng do đại vô tình tạo ra	Tiếng trống
VIII	Âm thanh không dễ chịu phát âm không rõ ràng do đại vô tình tạo ra	Tiếng gió

	Phân loại Hương	Cơ tướng
I	Mùi thơm tự nhiên	Mùi gỗ đàn hương
II	Mùi không thơm tự nhiên	Mùi thịt thối rữa
III	Mùi thơm nhân tạo	Mùi bánh mì
IV	Mùi không thơm nhân tạo	Mùi fomandêhit

	Phân loại Vị	Đại diện chủ đạo	Cơ tướng
I	Ngọt	Đất và Nước	Vị rỉ đường
II	Chua	Lửa và Đất	Vị chanh
III	Đắng	Nước và Gió	Vị Tigta (thảo mộc Hy Mã Lạp Sơn đắng)
IV	Chát	Đất và Gió	Vị quả chiêu liên
V	Cay [Tiếng Tạng: “nóng”]	Lửa và Gió	Vị của Ba Loại Thuốc Nóng
VI	Mặn	Nước và Lửa	Vị muối

	Phân loại Xúc	Đại biểu chủ đạo
I	Trơn	Nước và Lửa
II	Gồ ghề	Đất và Gió
III	Nặng	Đất và Nước
IV	Nhẹ	Lửa và Gió
V	Lạnh	Nước và Gió
VI	Đói	Gió
VII	Khát	Lửa

8 Năng lực của Sắc thể

Đất	Sắc [sở thủ]
Nước	Hương
Lửa	Vị
Gió	Xúc
	(Thanh)

